Tên: .....

Lớp: .....

Sđt: .....

Tiểu học Cô Nguyệt
0969687495

Bài tập cuối tuần

Môn Toán - Lớp 1 - HK2

Sách Kết nối tri thức



TUẦN 19

SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

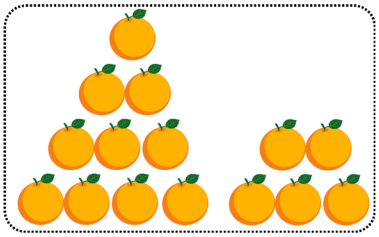
01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hình bên có:

A. 15 quả cam

B. 14 quả cam

C. 16 quả cam



Câu 2: Số 35 đọc là:

A. Ba lăm B. Ba mươi lăm C. Ba mươi năm

Câu 3: "Chín mươi chín" là số:

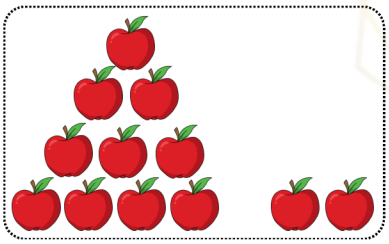
A. 90 B. 99 C. 98

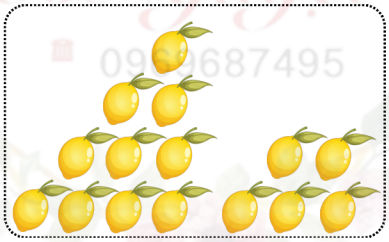
Câu 4: Trong các số: 10, 25, 35, 40, các số tròn chục là:

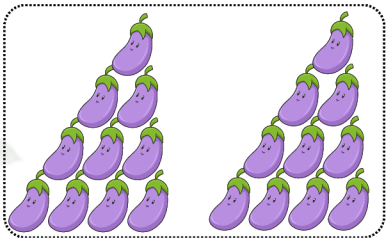
A. 10, 25 B. 40, 35 C. 10, 40

02 BÀI TẬP

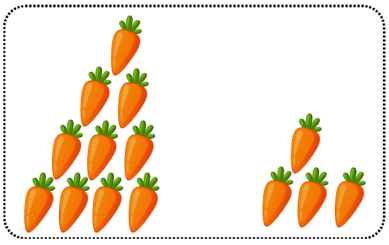
1 Nối tranh với số thích hợp.

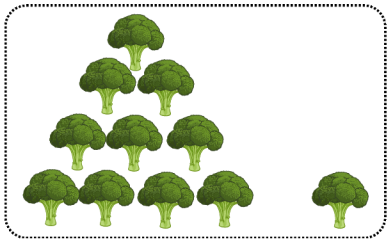


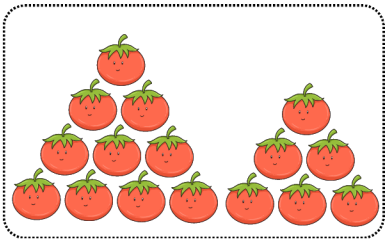




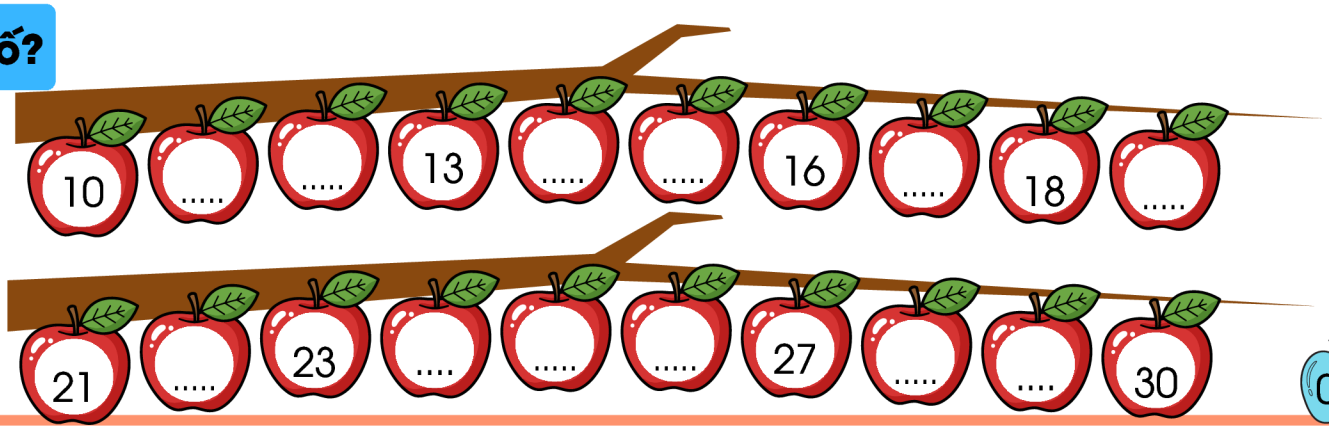
11 12 20 14 15 16







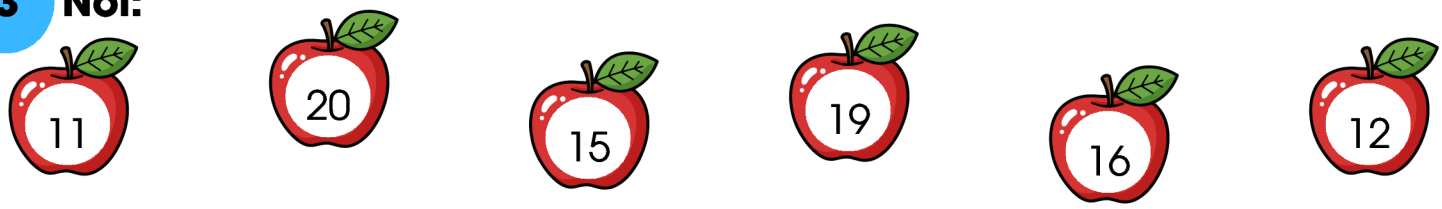
2 Số?



SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

Tiền tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

3 **Nối:**



Hai mươi	Mười một	Mười hai
Mười lăm	Mười sáu	Mười chín

4 **Viết vào chỗ chấm.**

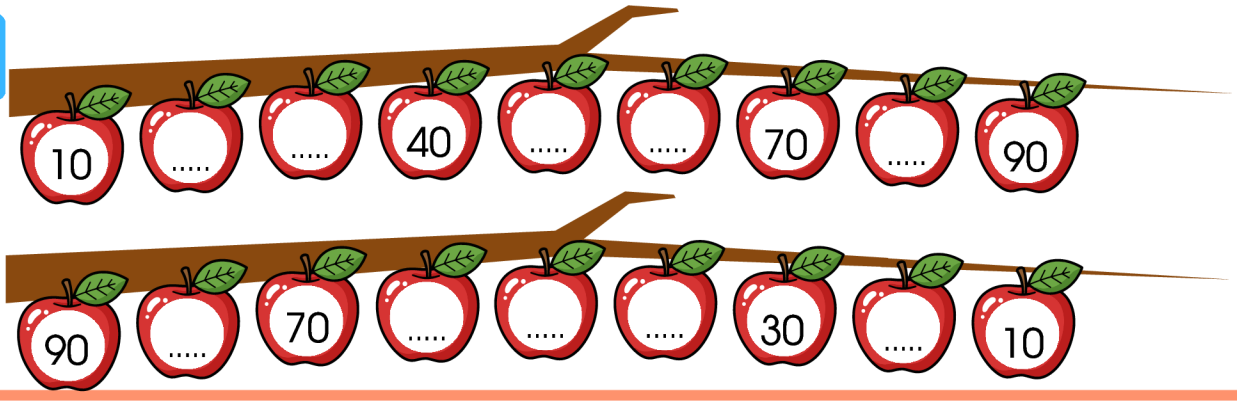
20: hai mươi
14:
15:
11:
10:

Mười hai : 12
Mười bốn:
Mười tám:
Mười lăm:
Mười chín:

5 **Nối:**



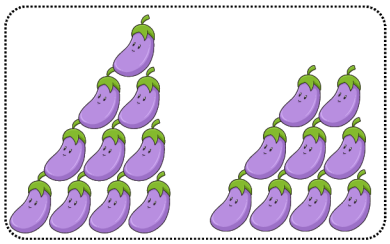
6 **Số?**



SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hình bên có:



A. 15 quả cà

B. 19 quả cà

C. 20 quả cà

Câu 2: Số gồm 1 chục và 9 đơn vị, viết là:

A. 91 B. 19 C. 29

Câu 3: Số gồm 4 chục và 3 đơn vị, viết là:

A. 34 B. 44 C.43

Câu 4: Số 51 gồm:

A. 5 chục và 0 đơn vị B. 5 chục và 1 đơn vị C. 1 chục và 5 đơn vị

02 BÀI TẬP

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Số **75** gồm ..... chục và ..... đơn vị.

Số **80** gồm ..... chục và ..... đơn vị.

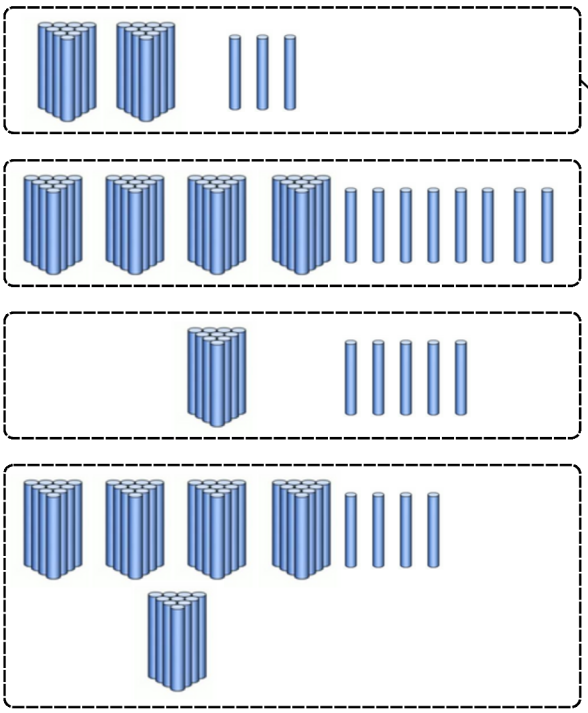
Số **61** gồm ..... chục và ..... đơn vị.

b) Số ..... gồm **3** chục và **4** đơn vị.

Số ..... gồm **9** chục và **9** đơn vị.

Số ..... gồm **2** chục và **1** đơn vị.

2 Nối (theo mẫu).



15

23

48

54

Bốn mươi tám

Hai mươi ba

Năm mươi tư

Mười lăm

SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

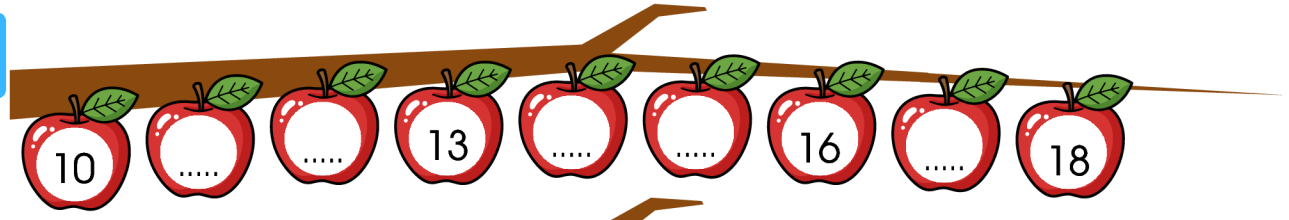
3 Nối.

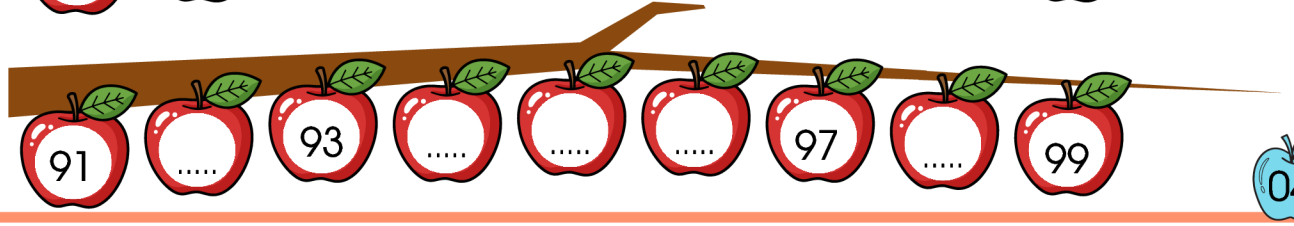


4 Số?

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
2	3	23	Hai mươi ba
5	1	.....	.....
9	9	.....	.....
1	5	.....	.....
.....	.....	69	.....
.....	.....	25	.....

5 Số?





TUẦN 21 SO SÁNH SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: 45 ..... 44, dấu cần điền vào chỗ chấm là:

A. < B. > C. =

Câu 2: 35, 36, ..., 38, 39, ..., hai số lần lượt điền vào chỗ chấm là:

A. 35 và 40 B. 39 và 40 C. 37 và 40

Câu 3: Các số 34, 25, 14 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. 14, 25, 34 B. 34, 25, 14 C. 14, 34, 25

Câu 4: 10 < ..... < 20 số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 21 B. 14 C. 27

Câu 5: 99 = ..., số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

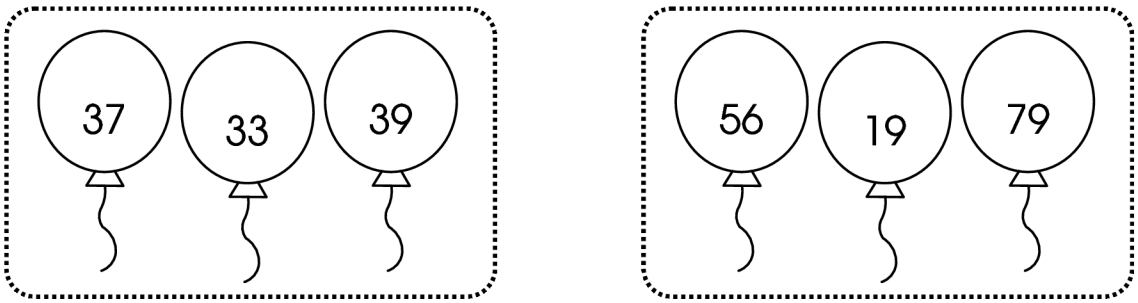
A. 90 B. 99 C. 91

02 BÀI TẬP

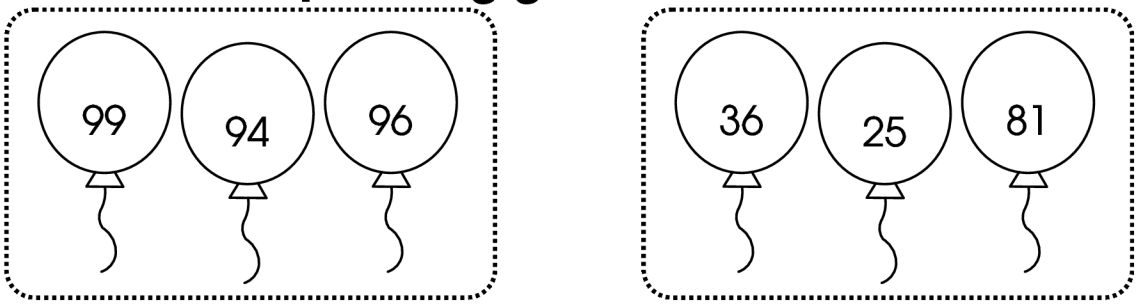
1 **>, <, =** **?**

20 ☐ 30	49 ☐ 70	80 ☐ 10	32 ☐ 37
13 ☐ 14	17 ☐ 16	18 ☐ 20	90 ☐ 90
42 ☐ 50	77 ☐ 77	31 ☐ 35	32 ☐ 45

2 **a) Tô màu vào quả bóng ghi số bé nhất.**



b) Tô màu vào quả bóng ghi số lớn nhất.



TUẦN 21 SO SÁNH SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

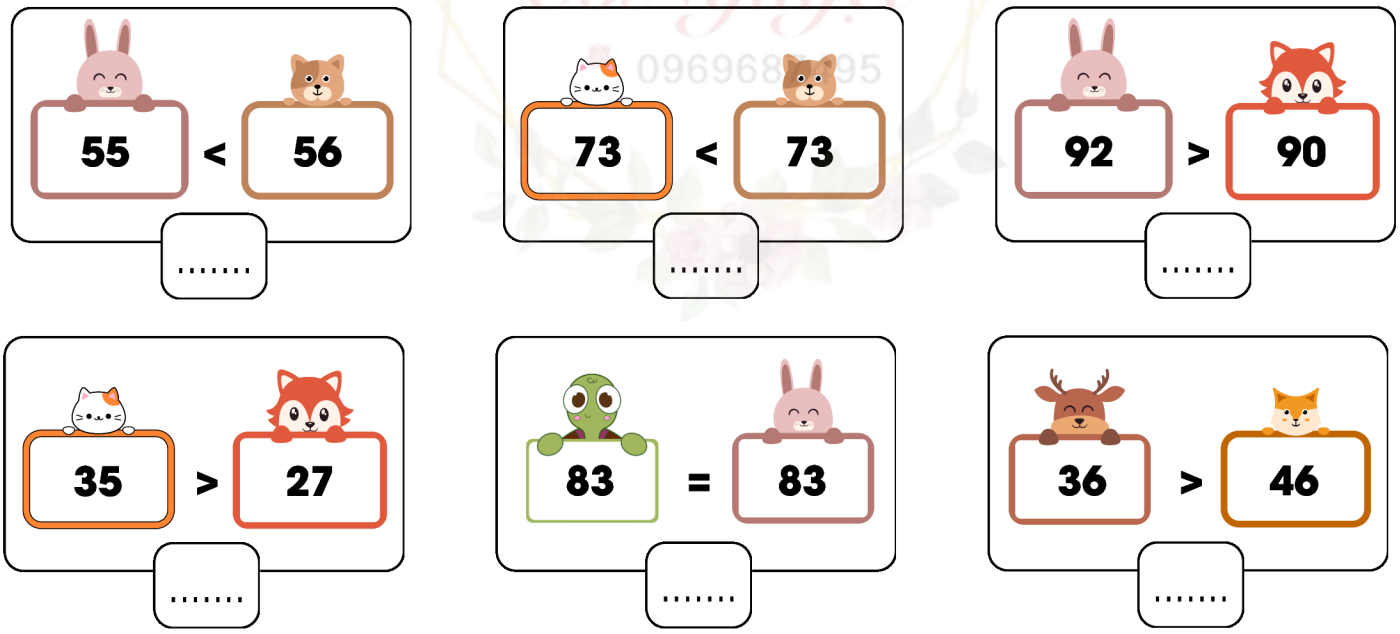
3 a) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

55, 35, 15	35, 19, 56	12, 90, 52
....	....	....

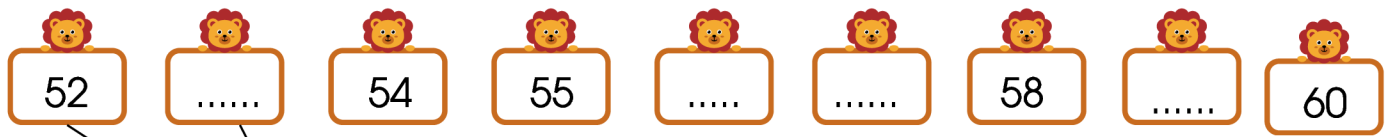
b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé.

78, 14, 62	45, 78, 12	90, 99, 95
....	....	....

4 Đ,S



5 Ghi số và nối theo mẫu.



□ < 55 57 < □ < 60

– Trong các số trên số lớn nhất là ....., số bé nhất là .....

TUẦN 22

CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100
LUYỆN TẬP CHUNG

Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Số 21 đọc là:

A. Hai mốt B. Hai mươi mốt C. Hai mươi một

Câu 2: "Ba mươi lăm" là số:

A. 35 B. 30 C. 53

Câu 3: Số cần điền vào ô trống là:



A. 40 và 50 B. 30 và 40 C. 50 và 60

Câu 4: Số gồm 5 chục và 1 đơn vị, viết là:

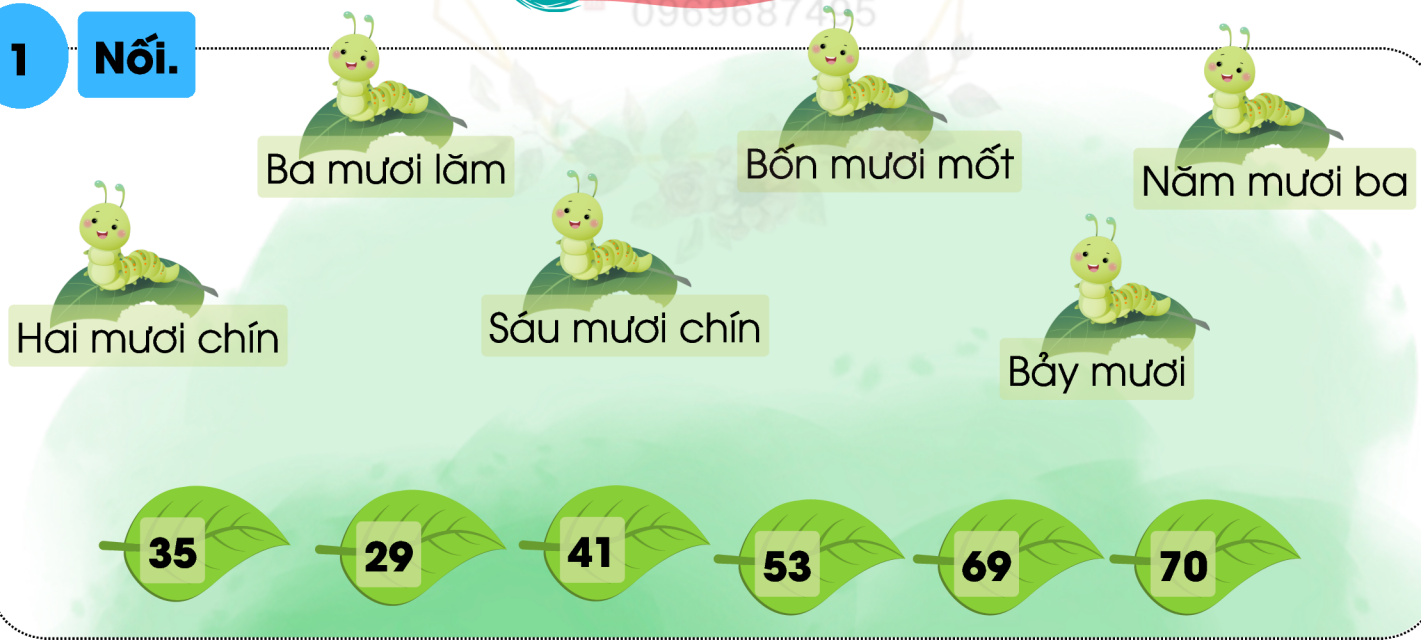
A. 51 B. 15 C. 52

Câu 5: Các số 74, 36, 67 được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 36, 67, 74 B. 74, 67, 36 C. 74, 36, 67

02 BÀI TẬP

1 Nối.



2 Số?

a) 21 ..... 23 ..... 25 28

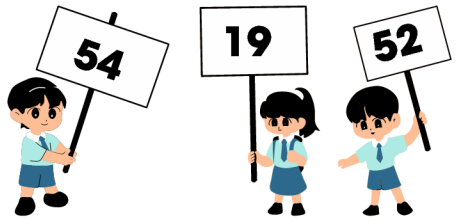
b) 70 71 .... 74 .... 77 79

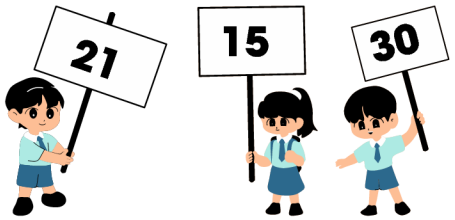
c) 10 20 .... 50 .... 80 ....

CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100
LUYỆN TẬP CHUNG

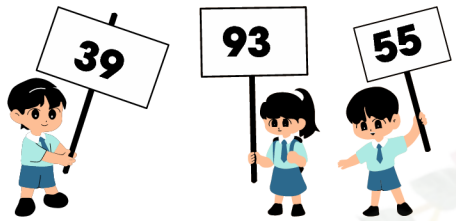
Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

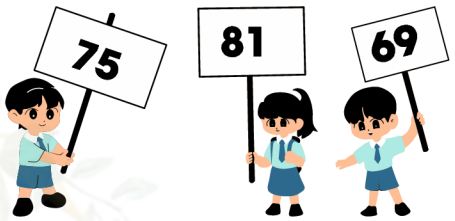
3 a) Khoanh vào số lớn nhất.





b) Khoanh vào số bé nhất.



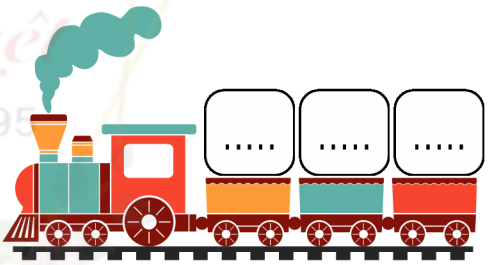


4 Viết các số 57, 51, 45 theo thứ tự:

Từ bé đến lớn:

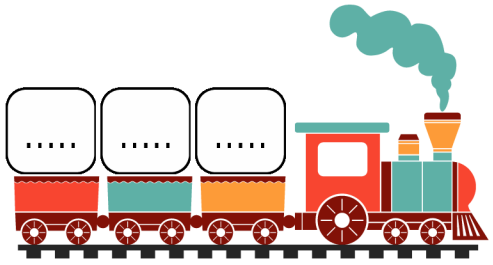


Từ lớn đến bé:

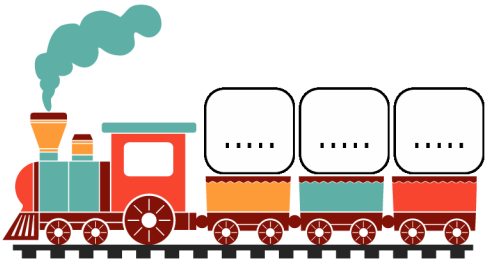


Viết các số 12, 75, 39 theo thứ tự:

Từ bé đến lớn:



Từ lớn đến bé:



5 >, <, = ?

25 ☐ 35	45 ☐ 25	99 ☐ 36
19 ☐ 20	67 ☐ 57	91 ☐ 92
39 ☐ 39	79 ☐ 87	90 ☐ 80

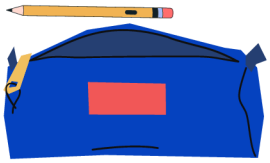
32 ☐ 23
76 ☐ 67
89 ☐ 79

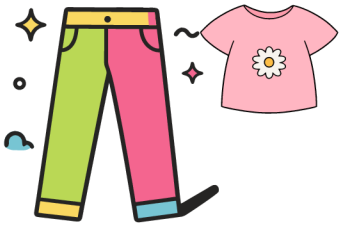
DÀI HƠN, NGẮN HƠN. ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI

Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:





- ☐ Bút chì dài hơn hộp bút.
- ☐ Bút chì ngắn hơn hộp bút.
- ☐ Hộp bút dài hơn bút chì.
- ☐ Cái quần ngắn hơn cái áo.
- ☐ Cái áo ngắn hơn cái quần.

Câu 2: Ghi dấu (X) vào ô có câu đúng:



Thư Nam

- ☐ Bạn Nam cao hơn bạn Thư.
- ☐ Bạn Thư thấp hơn bạn Nam.
- ☐ Bạn Nam và bạn Thư cao bằng nhau.

02 BÀI TẬP

1 Khoanh vào vật theo yêu cầu:

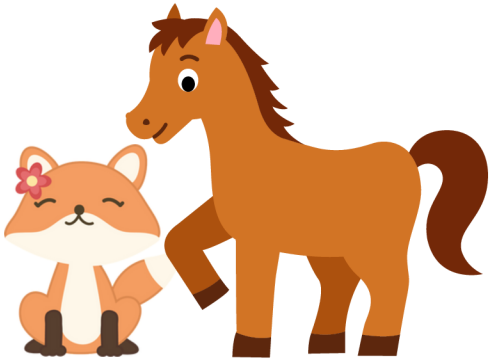
a) Chiếc xe dài nhất:

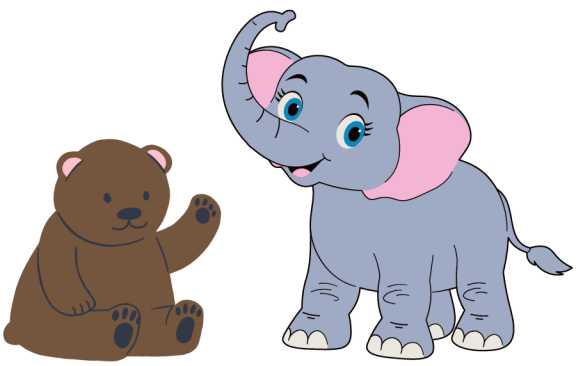


b) Chiếc thuyền ngắn nhất:



2 Viết tên con vật vào chỗ trống cho trích hợp

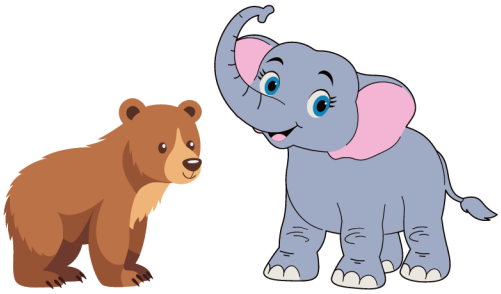




a) Con ..... cao hơn con .....

b) Con ..... thấp hơn con .....

DÀI HƠN, NGẮN HƠN. ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI



c) Con ..... cao hơn con .....



d) Con ..... thấp hơn con .....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp

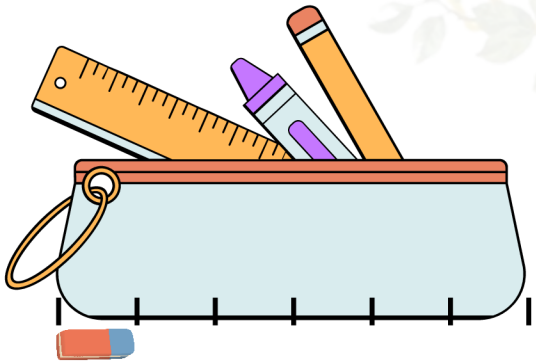


a) Trong hình vẽ gia đình gồm bố mẹ và con gái. Người cao nhất là .....



b) Con vật cao nhất là .....

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm



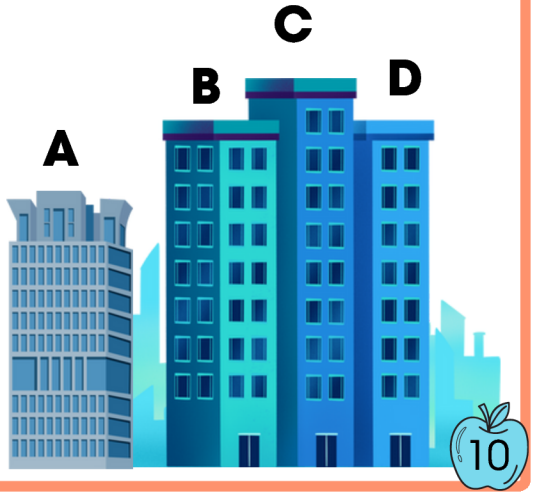
a) Chiếc hộp bút dài.....



b) Bức tranh dài.....

6 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- Tòa nhà ..... và tòa nhà ..... cao bằng nhau
- Tòa nhà ..... cao nhất.
- Tòa nhà ..... thấp nhất.
- Tòa nhà A thấp hơn tòa nhà .....

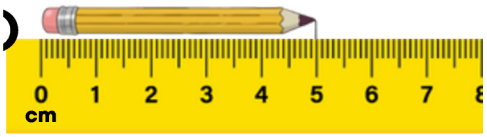


TUẦN 24

ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI. THỰC HÀNH ƯỚC LƯỢNG ĐO ĐỘ DÀI

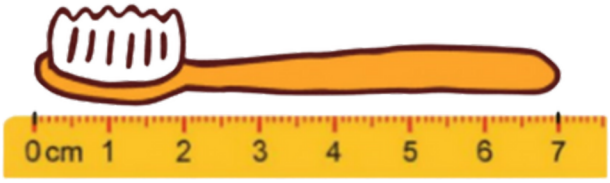
1 **Viết số thích hợp vào chỗ chấm.**

a)



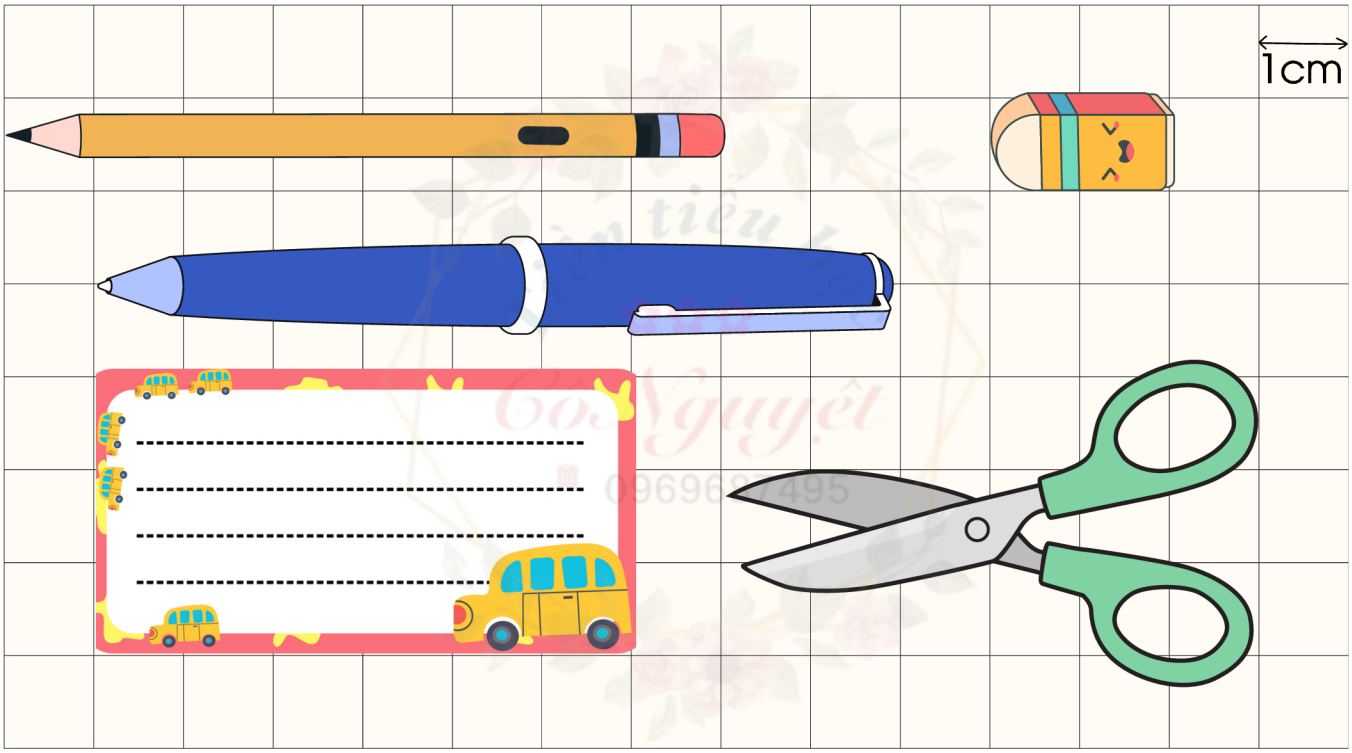
Cây bút dài ..... cm

b)



Bàn chải đánh răng dài ..... cm

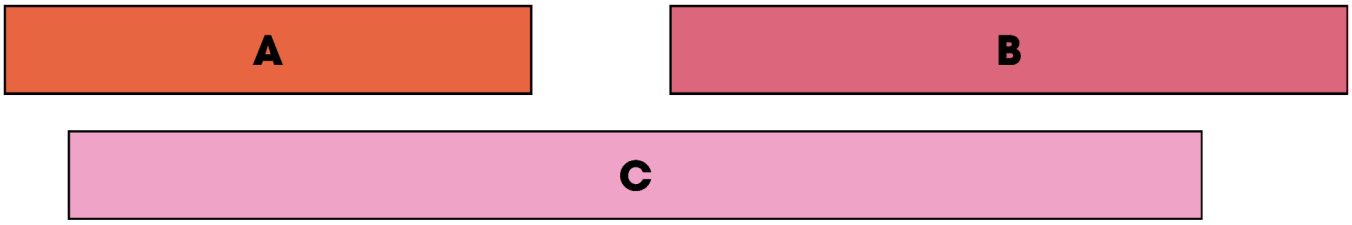
2 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**



Cây bút chì dài ..... cm. Viên tẩy dài ..... cm. Chiếc nhãn vở dài ..... cm. Bút máy dài ..... cm. Cái kéo dài ..... cm.

Vậy ..... dài nhất và ..... ngắn nhất.

3 **Dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài mỗi băng giấy rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.**



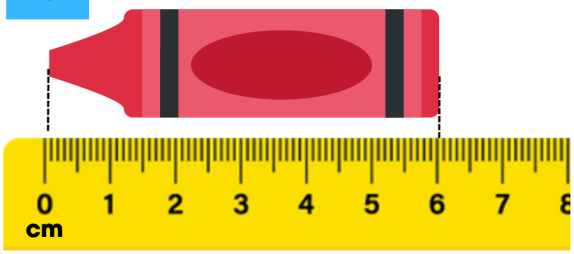
Trong các băng giấy trên, băng giấy ..... dài nhất.

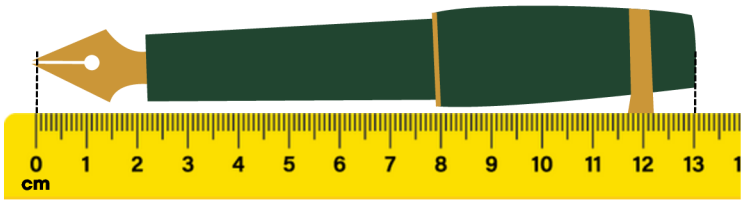
băng giấy ..... ngắn nhất.

ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI.
THỰC HÀNH ƯỚC LƯỢNG ĐO ĐỘ DÀI

Tiểu tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

4 **Đ,S**



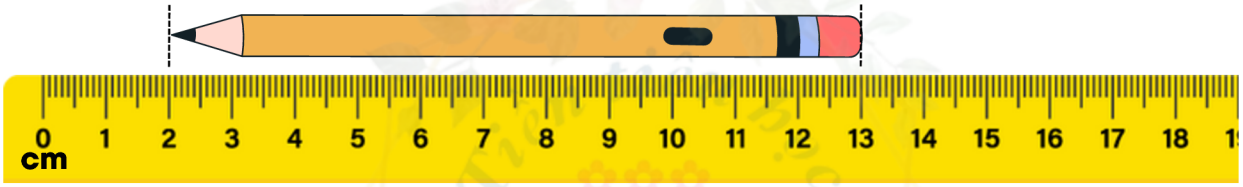


Bút sáp dài 7cm ☐

Bút sáp dài 6cm ☐

Bút máy dài 13cm ☐

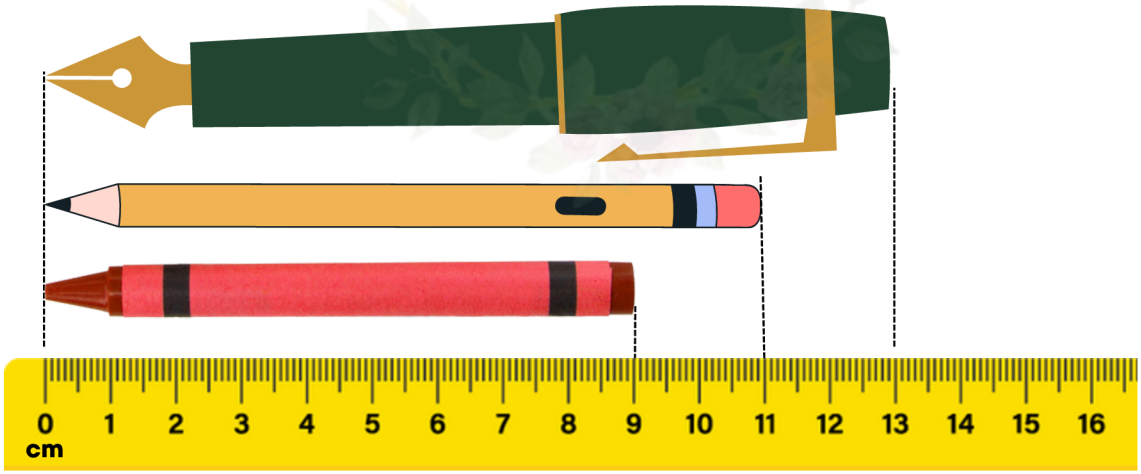
Bút máy dài 11cm ☐



Bút chì dài 13cm ☐

Bút chì dài 11cm ☐

5 **Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp**



Bút ..... dài hơn 9cm

6 **Quan sát đồ dùng học tập và vật dụng hằng ngày như: hộp bút, quyển vở, bàn học, bàn chải đánh răng rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm.**

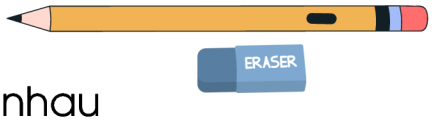
- Hộp bút dài khoảng.....cm.
- Chiều dài quyển vở khoảng ..... cm.
- Chiều dài bàn học khoảng ..... gang tay.
- Bàn chải đánh răng dài khoảng ..... cm.

PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Quan sát hình bên, chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm:

Cây bút chì ..... viên tẩy.



A. dài hơn B. ngắn hơn C. bằng nhau

Câu 2: Quan sát hình bên, khoanh các ý đúng:

A. Cây B cao nhất.

B. Cây A cao nhất.

C. Cây D cao nhất.

D. Cây C thấp nhất.

E. Cây D thấp nhất.



Câu 3: Đo độ dài mỗi vật rồi viết số thích hợp vào ô trống



☐ cm



☐ cm



☐ cm

Câu 4: Kết quả của phép tính 20 + 5 là:

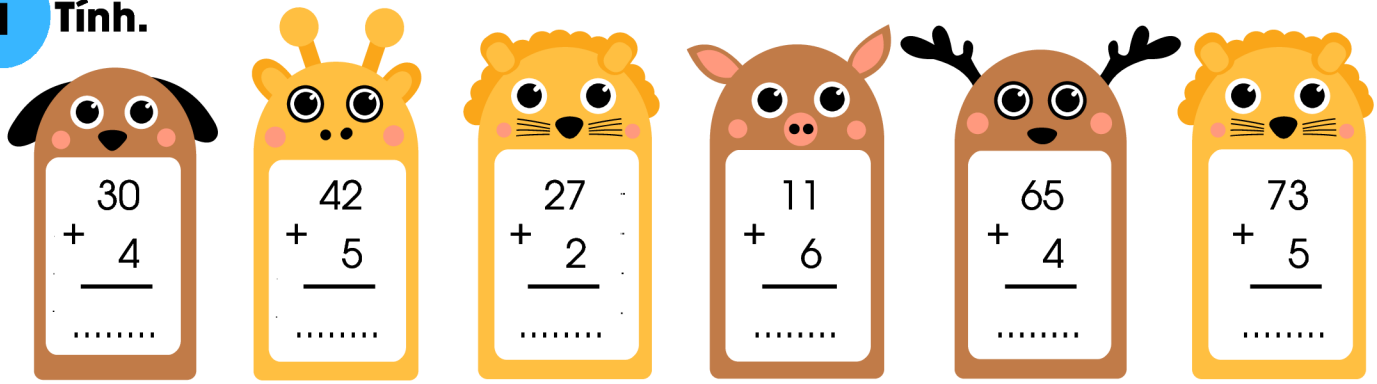
A. 24 B. 25 C. 70

Câu 5: Kết quả của phép tính 12 + 7 là:

A. 16 B. 82 C. 19

02 BÀI TẬP

1 Tính.



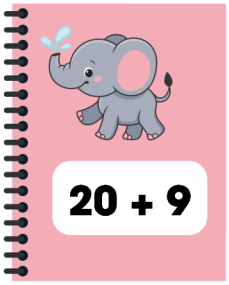
PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

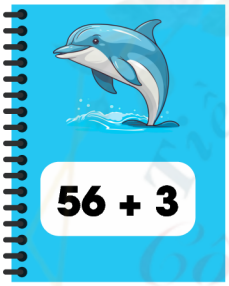
Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

2 Đặt tính rồi tính.

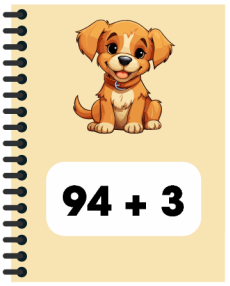
11 + 5 | 90 + 4 | 43 + 4 | 76 + 3 | 12 + 7

3 Tính để cất sách vào ba lô thích hợp:

















4 >, <, = ?

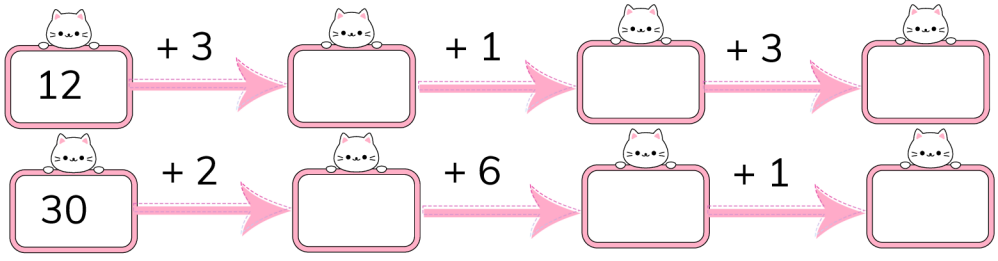
34 + 2 ☐ 2 + 34

24 + 5 ☐ 35 + 3

11 + 5 ☐ 12 + 6

14 + 3 ☐ 15 + 1

5 Tính.



PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phép tính 25 + 4 có kết quả là:

A. 45 B. 29 C. 49

Câu 2: Phép tính 25 + 23 có kết quả là:

A. 84 B. 48 C. 47

Câu 3: Trên cây có 15 con chim, một lát sau có thêm 13 con chim bay tới. Hỏi lúc này trên cây có tất cả bao nhiêu con chim?

A. 15 con chim B. 13 con chim C. 28 con chim

Câu 4: Phép tính nào sau đây có kết quả lớn nhất:

A. 51 + 5 B. 15 + 44 C. 50 + 10

Câu 5: Có hai túi kẹo, một túi có 10 viên kẹo, 1 túi có 26 viên kẹo. Hỏi cả hai túi có tất cả bao nhiêu viên kẹo?

A. 26 viên kẹo B. 36 viên kẹo C. 62 viên kẹo

02 BÀI TẬP

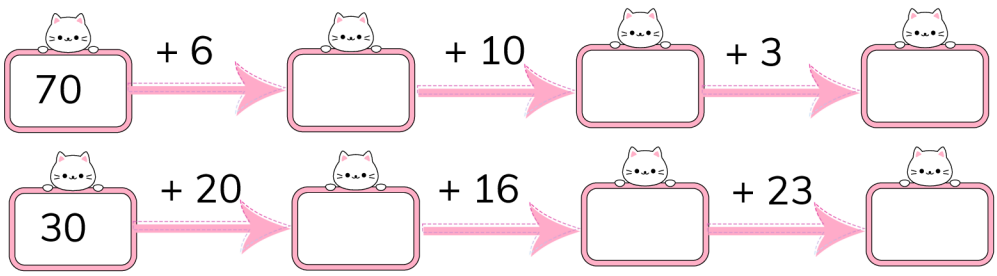
1 Đ,S ?

$$\begin{array}{r} 25 \\ +\ 4 \\ \hline 29 \end{array} \square \qquad \begin{array}{r} 42 \\ +\ 5 \\ \hline 92 \end{array} \square \qquad \begin{array}{r} 76 \\ +\ 2 \\ \hline 78 \end{array} \square \qquad \begin{array}{r} 94 \\ +\ 3 \\ \hline 96 \end{array} \square$$

2 Đặt tính rồi tính.

6 + 53 | 24 + 45 | 67 + 12 | 50 + 38 | 8 + 31

3 Tính.



PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

4 **Nối.**


79


65


80


95


64


50 + 30


75 + 4


45 + 20


60 + 4


83 + 12

5 **Viết phép tính thích hợp và hoàn thiện câu trả lời.**



a) Lớp 1A có 32 học sinh, lớp 1B có 35 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh?

Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....



b) Mẹ bạn Lan nuôi 23 con gà mái và 5 con gà trống. Hỏi mẹ bạn Lan nuôi tất cả bao nhiêu con gà?

Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....

6 **>, <, =** **?**

30 + 20 ☐ 50 + 20

80 + 10 ☐ 40 + 50

30 + 30 ☐ 40 + 20

10 + 40 ☐ 30 + 10

7 **Từ các số sau và các dấu +, -, = em hãy lập các phép tính đúng.**

6 **20** **30** **36** **50**

.....

.....

PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phép tính 25 - 4 có kết quả là:

A. 21 B. 29 C. 20

Câu 2: Phép tính 65 - 3 có kết quả là:

A. 68 B. 62 C. 60

Câu 3: Em có 25 viên kẹo, em cho bạn 4 viên kẹo. Hỏi em còn lại bao nhiêu viên kẹo?

A. 29 viên kẹo B. 24 viên kẹo C. 21 viên kẹo

Câu 4: 57 - ..... = 20 + 30, số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 6 B. 7 C. 2

Câu 5: Cây cam có 79 quả, mẹ đã hái xuống 9 quả. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu quả?

A. 70 quả B. 9 quả C. 79 quả

02 BÀI TẬP

1 Đ,S ?

47 - 5 = 42 ☐	69 - 4 = 29 ☐	76 - 3 = 73 ☐	89 - 7 = 83 ☐

2 Đặt tính rồi tính

38 - 4 | 23 - 3 | 57 - 6 | 99 - 8 | 51 - 1

3 Tính.

59 -2→ ..... -4→ ..... -3→ .....

43 +6→ ..... -5→ ..... -2→ .....

PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

4 **Nối.**


78 - 5

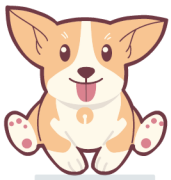

14 - 2


47 - 7


66 - 3


89 - 5

12 **40** **73** **84** **63**


75 - 2


45 - 5


19 - 7


69 - 6


88 - 4

5 **Viết phép tính thích hợp và hoàn thiện câu trả lời.**

a) Mai có 16 tờ giấy màu, Mai đã dùng hết 3 tờ giấy màu. Hỏi Mai còn lại bao nhiêu tờ giấy màu?

Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....

b) Một tàu du lịch có 48 chỗ ngồi cho hành khách, trên tàu đã có 6 người khách. Hỏi tàu đó có thể chở thêm được nhiều nhất bao nhiêu người khách nữa?

Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....

6 **Tô màu đỏ vào đám mây ghi phép tính có kết quả bé nhất, màu xanh vào đám mây ghi phép tính có kết quả lớn nhất.**

47 - 2 | 48 - 2 | 38 - 4 | 65 - 3 | 47 - 7 | 87 - 6

PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phép tính 25 - 14 có kết quả là:

A. 11 B. 10 C. 12

Câu 2: Phép tính 65 - 23 có kết quả là:

A. 24 B. 42 C. 40

Câu 3: Em có 25 viên kẹo, em cho bạn 14 viên kẹo. Hỏi em còn lại bao nhiêu viên kẹo?

A. 19 viên kẹo B. 14 viên kẹo C. 11 viên kẹo

Câu 4: Tìm một số, biết rằng khi lấy số đó trừ đi 10 thì được kết quả là 15:

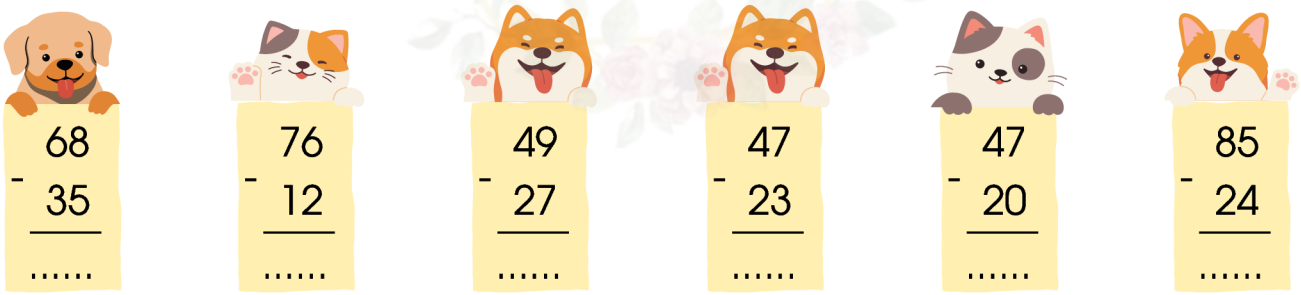
A. 35 B. 25 C. 45

Câu 5: Cây cam có 79 quả, mẹ đã hái xuống 25 quả. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu quả?

A. 45 quả B. 54 quả C. 53 quả

02 BÀI TẬP

1 Tính.



68	76	49	47	47	85
- 35	- 12	- 27	- 23	- 20	- 24
.....	.....	.....	.....	.....	.....

2 Đặt tính rồi tính.

79 - 15 86 - 32 97 - 12 84 - 44 27 - 5

3 Số?

a) 20 → (+ 31) → ☐ 23 → (+ 40) → ☐ 53 → (+ 4) → ☐

b) 77 → (- 23) → ☐ 46 → (- 30) → ☐ 98 → (- 8) → ☐

PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

4 **Đ,S ?**

a) 69 - 45 = 15 ☐ b) 56 - 56 = 0 ☐ c) 75 - 31 = 62 ☐

d) 76 - 34 = 42 ☐ e) 86 - 24 = 44 ☐ g) 38 - 17 = 21 ☐

5 **Nối.**

45 - 24	15	35 - 20
59 - 39	13	27 - 6
78 - 65	20	66 - 53
27 - 12	21	90 - 70

6 **Viết phép tính thích hợp và hoàn thiện câu trả lời:**



a) Khánh có 46 viên bi. Khánh cho bạn 13 viên bi. Hỏi Khánh còn lại bao nhiêu viên bi?

Phép tính: ☐☐☐☐☐

Trả lời: .....



b) Mẹ mua 17 quả táo, cả nhà đã ăn hết 12 quả. Hỏi còn lại bao nhiêu quả táo?

Phép tính: ☐☐☐☐☐

Trả lời: .....

7 **Viết chữ số thích hợp vào ô trống.**

a)

$$\begin{array}{r} \square 6 \\ -\ 1\square \\ \hline 43 \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 7\square \\ -\ \square 4 \\ \hline 15 \end{array}$$

c)

$$\begin{array}{r} \square\square \\ -\ 60 \\ \hline 28 \end{array}$$

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Khoanh tròn vào số: 67 < .....< 86

A. 45 B. 66 C. 72

Câu 2: Kết quả của phép tính : 34 – 12 + 3 = ...

A. 22 B. 24 C. 25

Câu 3: Nhà Hà có 15 con gà, nhà Lê có 12 con. Hỏi nhà Hà và nhà Lê có tất cả bao nhiêu con gà?

A. 72 con gà B. 27 con gà C. 26 con gà

Câu 4: Số 36 gồm:

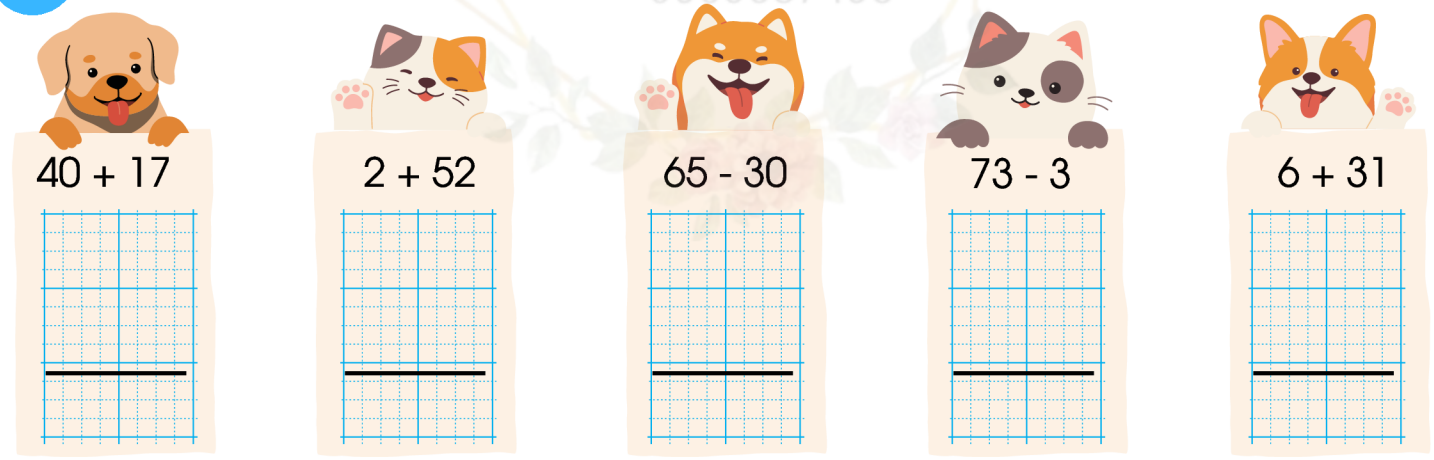
A. 3 chục và 6 đơn vị B. 36 chục C. 6 chục và 3 đơn vị

Câu 5: Các số 79, 81, 18 được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 79,18, 81 B. 81, 79, 18 C. 18, 79, 81

02 BÀI TẬP

1 Đặt tính rồi tính.



40 + 17 | 2 + 52 | 65 - 30 | 73 - 3 | 6 + 31

3 +, - ?

a) 30 ☐ 40 = 70

77 ☐ 27 = 50

b) 83 ☐ 23 = 60

44 ☐ 30 = 71

2 Đ,S ?

a) 42 + 24 > 70 ☐

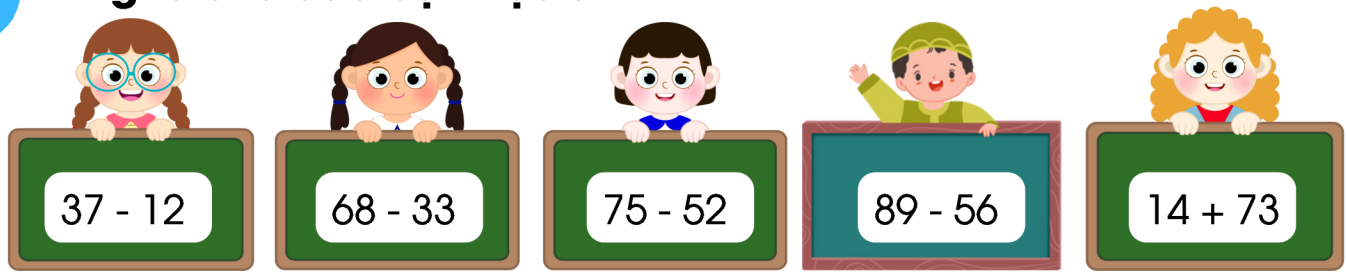
85 - 51 = 34 ☐

b) 86 - 35 > 40 ☐

72 + 5 < 77 ☐

Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

4 **Tìm ghế cho các bạn học sinh.**





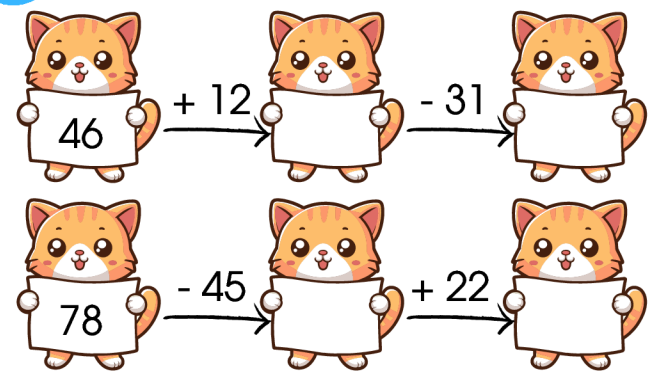
5 **Tính nhẩm.**

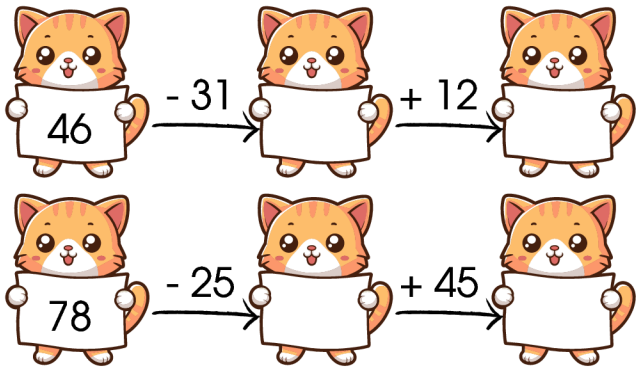
a) 70 – 10 =..... 60 – 30 =..... 90 – 80 =.....

b) 70 + 30 =..... 60 + 20 =..... 80 + 10 =.....

c) 60 + 20 =..... 50 - 40 =..... 80 - 30 =.....

6 **Số** **?**





8 **Khối lớp Hai trồng được 42 cây. Khối lớp Một trồng được 43 cây. Hỏi cả hai khối lớp trồng được bao nhiêu cây?**



Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....

LUYỆN TẬP CHUNG. XEM GIỜ ĐÚNG TRÊN ĐỒNG HỒ

Tiểu tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

01 TRẮC NGHIỆM



Câu 1: Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?

A. 12 giờ B. 3 giờ C. 9 giờ

Câu 2: Cho phép tính: 39 - 7, kết quả của phép tính là:

A. 42 B. 32 C. 30

Câu 3: Bác Lan nuôi được 4 chục con vịt và con ngan. Trong đó có 20 con vịt. Hỏi bác Lan nuôi bao nhiêu con ngan?

A. 24 con ngan B. 20 con ngan C. 22 con ngan

Câu 4: 52 – 23 ..... 80, dấu điền vào chỗ chấm là:

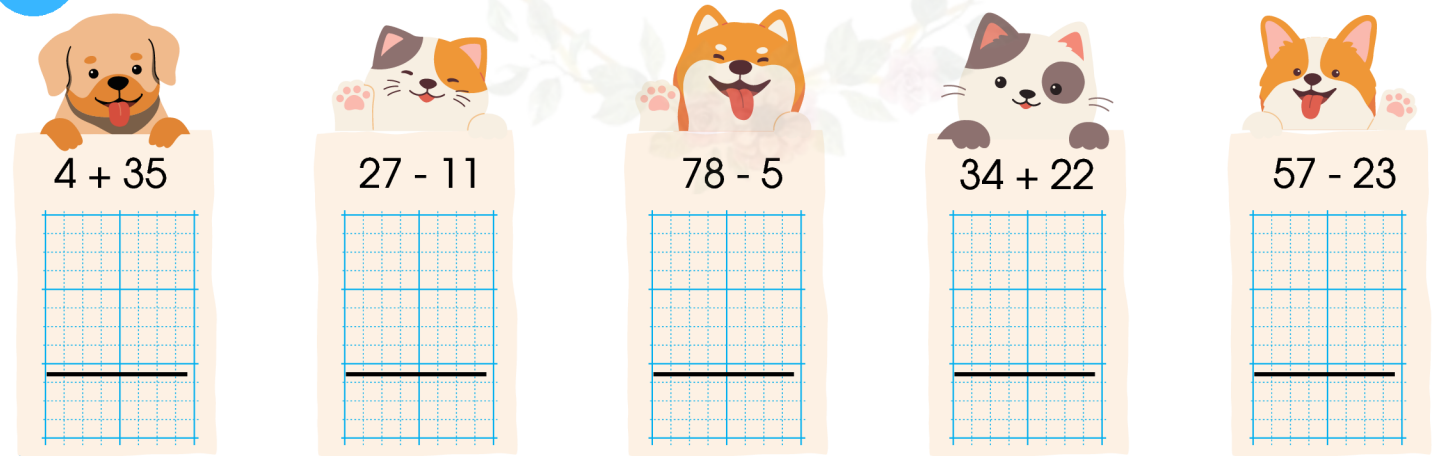
A. < B. > C. =

Câu 5: Cho hai số: 4 và 9. Lập được các số có hai chữ số khác nhau từ hai số đã cho là:

A. 49, 94 B. 49, 44 C. 49, 94, 44, 99

02 BÀI TẬP

1 Đặt tính rồi tính.

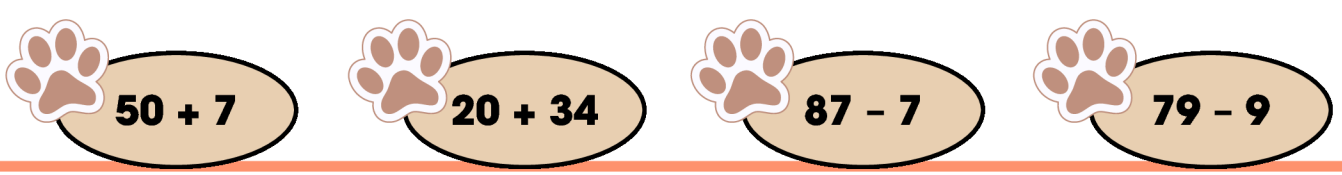


4 + 35 | 27 - 11 | 78 - 5 | 34 + 22 | 57 - 23

2 Nối hai phép tính có cùng kết quả.



24 + 30 | 67 – 10 | 95 – 25 | 40 + 40



50 + 7 | 20 + 34 | 87 – 7 | 79 – 9

LUYỆN TẬP CHUNG.
XEM GIỜ ĐÚNG TRÊN ĐỒNG HỒ

Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

3 Viết số thích hợp vào ô trống.

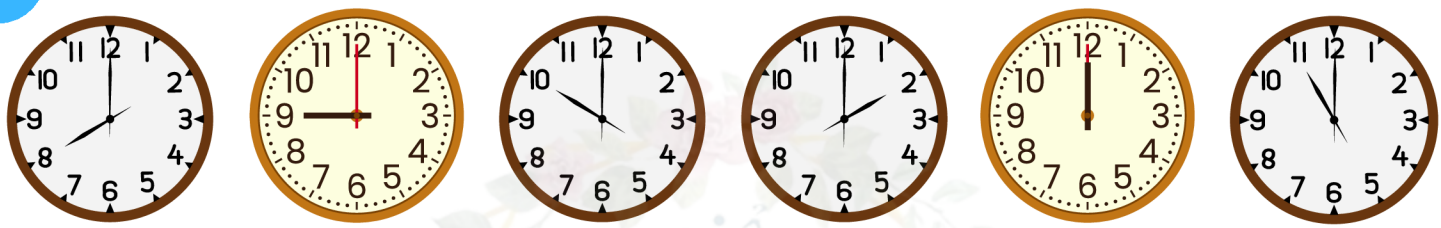
a) 42 + ☐ = 62

b) ☐ + 30 = 84

c) 97 − ☐ = 37

d) ☐ − 20 = 68

4 Viết giờ đúng dưới mỗi đồng hồ sau:



8 giờ ..... giờ ..... giờ ..... giờ ..... giờ .....giờ

6 Vẽ thêm kim ngắn để đồng hồ chỉ đúng giờ tương ứng.



6 giờ 9 giờ 4 giờ 8 giờ

7 Nối đồng hồ với thời gian biểu tương ứng của bạn Mai.



Mai ngủ dậy lúc 6 giờ sáng.











Mai đi học lúc 7 giờ sáng.



Mai chơi ngoài công viên lúc 5 giờ chiều.



Mai xem chương trình thiếu nhi lúc 8 giờ tối.

CÁC NGÀY TRONG TUẦN. THỰC HÀNH XEM LỊCH VÀ GIỜ.

Tiểu tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

01 TRẮC NGHIỆM



Câu 1: Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?

A. 12 giờ B. 8 giờ C. 9 giờ

Câu 2: 18 - ..... = 12 + 4, số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 3 B. 2 C. 1

Câu 3: Hôm nay là Chủ nhật, ngày 20. Ngày mai là thứ mấy, ngày mấy?

A. Thứ Hai, ngày 19 B. Thứ Bảy, ngày 19 C. Thứ Hai, ngày 21

Câu 4: Hôm nay là thứ Ba, ngày 18. Hôm qua là thứ mấy, ngày mấy?

A. Thứ hai, ngày 17 B. Thứ Tư, ngày 19 C. Chủ nhật, ngày 17

Câu 5: Tờ lịch bên cho biết thứ mấy, ngày mấy?

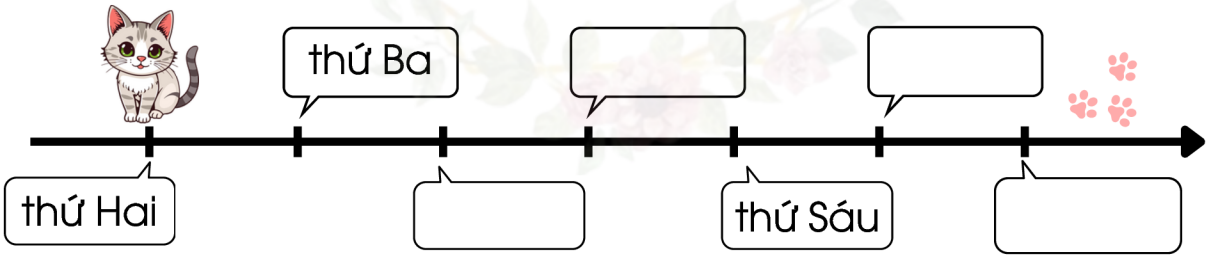


A. Thứ Năm, ngày 30 B. Thứ Sáu, ngày 5

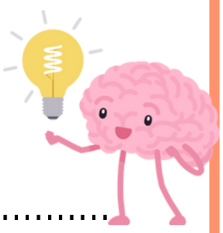
C. Thứ Sáu, ngày 30

02 BÀI TẬP

1 **Viết tiếp các ngày còn thiếu trong tuần.**



- Hôm nay là thứ Ba, thì hôm qua là thứ ..... và ngày mai là thứ .....
- Hôm qua là thứ Sáu, thì hôm nay là thứ .....
- Nếu thứ Năm là ngày 20 thì thứ Bảy cùng tuần là ngày .....



2 **Đ,S ?**

☐ **a)** Một tuần lễ có 8 ngày.

☐ **b)** Một tuần lễ có 7 ngày.

☐ **c)** Hôm qua là thứ Hai, vậy hôm nay là thứ Ba.

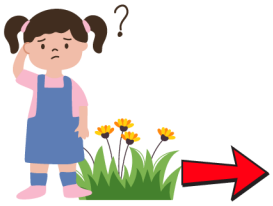
☐ **d)** Hôm nay là thứ Sáu, vậy hôm qua là thứ Bảy.

CÁC NGÀY TRONG TUẦN.
THỰC HÀNH XEM LỊCH VÀ GIỜ.

3 **Điền các ngày còn thiếu vào chỗ chấm:**

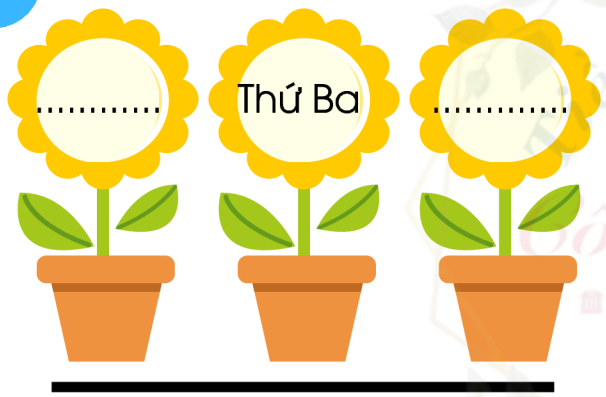


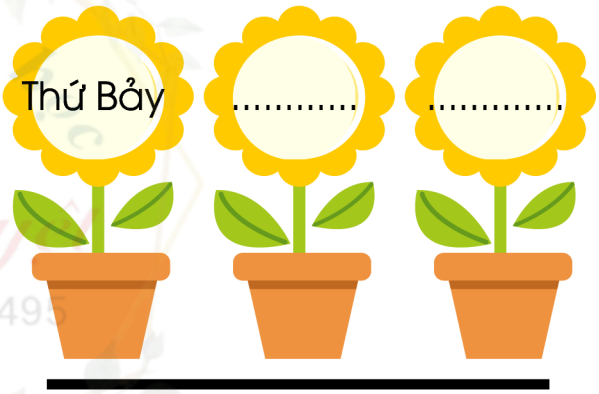
Thứ Hai | ..... | Thứ Tư | .....



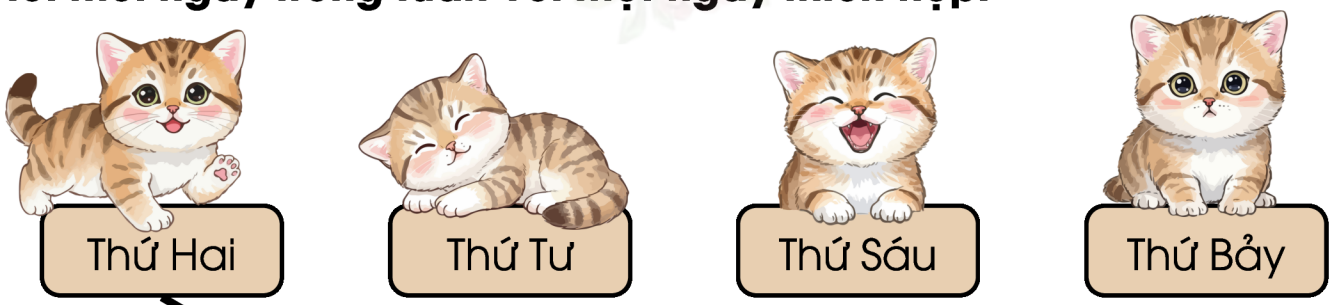
..... | Thứ Năm | Thứ Sáu | .....

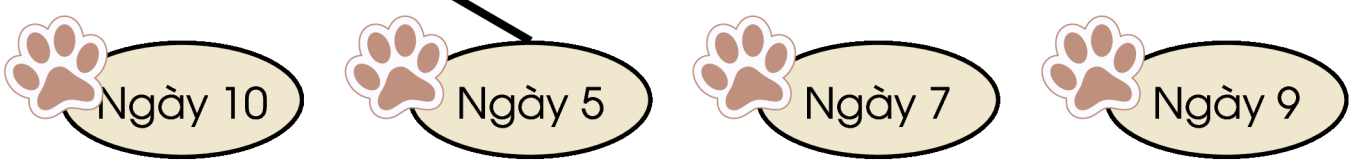
4 **Điền các ngày còn thiếu vào chỗ chấm:**





5 **Nối mỗi ngày trong tuần với một ngày thích hợp.**





6 **Trả lời câu hỏi sau:**

Nghỉ hè năm nay mẹ cho hai anh em về quê chơi 7 ngày, bắt đầu từ ngày thứ Sáu. Vậy hai anh em trở lại nhà vào thứ .....



THỰC HÀNH XEM LỊCH VÀ GIỜ. LUYỆN TẬP CHUNG

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Chủ nhật Khải tự học ở nhà từ 8 giờ và kết thúc lúc 10 giờ. Vậy thời gian Khải tự học ở nhà là:




A. 2 giờ B. 2 giờ

C. 3 giờ

Câu 2: Quan sát các tờ lịch và chọn câu trả lời đúng:

Tháng 3	Tháng 4	Tháng 6	Tháng 11
8	30	1	 20
Chủ nhật	Thứ Năm	Thứ Bảy	Thứ Sáu

a. Ngày 8 tháng 3 là thứ mấy?

A. Chủ nhật B. Thứ Bảy C. Thứ Hai

b. Ngày 1 tháng 6 thứ mấy?

A. Chủ nhật B. Thứ Bảy C. Thứ Hai

c. Trong các tờ lịch trên, tờ lịch ghi "thứ Năm" là ngày mấy, tháng mấy?

A. Ngày 30 tháng 4 B. Ngày 1 tháng 6 C. Ngày 20 tháng 11

d. Ngày Nhà giáo Việt Nam là thứ mấy, ngày mấy?

A. Thứ Sáu, ngày 20 tháng 11.

B. Thứ Năm, ngày 30 tháng 4.

C. Thứ Bảy, ngày 1 tháng 6.

02 BÀI TẬP

1 Hình dưới là tờ lịch của ngày hôm nay:



a. Hôm nay là thứ ..... ngày .....

b. Gia đình Mai dự định đi du lịch Sa Pa 7 ngày, họ sẽ khởi hành vào ngày mai, là thứ ....., ngày .....

c. Vậy thứ ....., ngày ..... gia đình Mai sẽ trở về nhà.

THỰC HÀNH XEM LỊCH VÀ GIỜ. LUYỆN TẬP CHUNG

2 **Vẽ thêm kim ngắn để đồng hồ chỉ đúng giờ tương ứng.**



6 giờ



4 giờ



7 giờ



10 giờ

3 **Nối.**



Minh tập thể dục lúc 6 giờ.











Minh ăn trưa lúc 11 giờ.



Minh tự học lúc 3 giờ chiều.



Minh đọc sách lúc 8 giờ tối.

6 **Gia đình bạn An từ thành phố về quê hết 2 giờ. Vẽ kim ngắn đồng hồ cho thích hợp.**



ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 10

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Các số 9, 5, 8, 2, số lớn nhất là:

A. 8 B. 9 C. 2

Câu 2: Các số 9, 5, 8, 2 viết theo thứ tự tăng dần là:

A. 2, 5, 8, 9 B. 2, 5, 9, 8 C. 9, 8, 5, 2

Câu 3: Em có 7 cây bút, mẹ mua thêm cho em 3 cây bút. Hỏi em có tất cả bao nhiêu cây bút?

A. 4 cây bút B. 10 cây bút C. 9 cây bút

Câu 4: 8 - 4 + 2 ..... 10 - 3, Dấu điền vào chỗ chấm là:

A. < B. > C. =

Câu 5: Quan sát hình bên và chọn phép tính thích hợp với hình:

A. 5 + 3 = 8

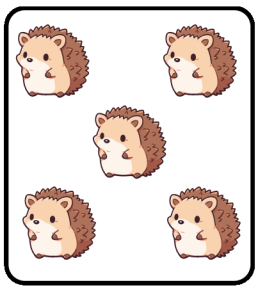
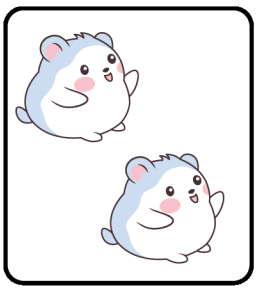
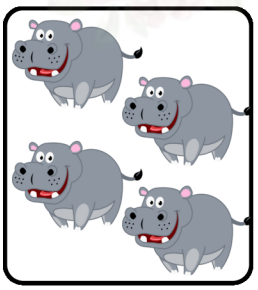
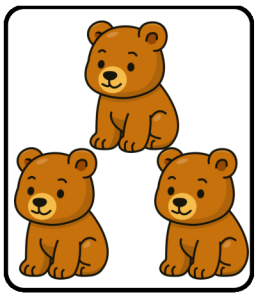
B. 8 - 3 = 5

C. 8 - 5 = 3

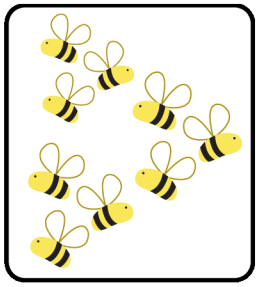
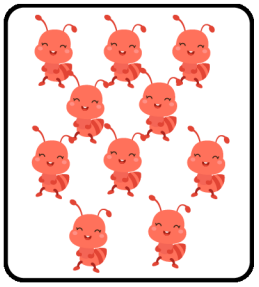
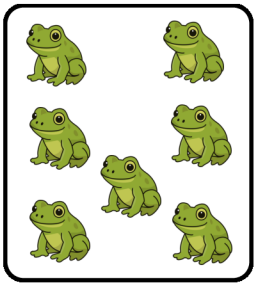
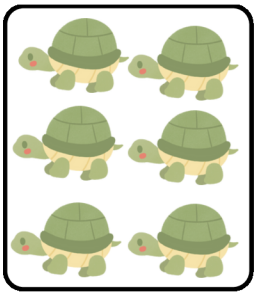
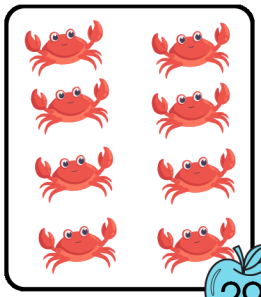


02 BÀI TẬP

1 Nối.


2 5 4 9 3 10 1 7 8 6

ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 10

Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

2 Tìm để biết mỗi cây nấm sẽ đựng vào rổ nào?



3 >, <, =

10 – 4 ☐ 6

9 – 6 ☐ 5

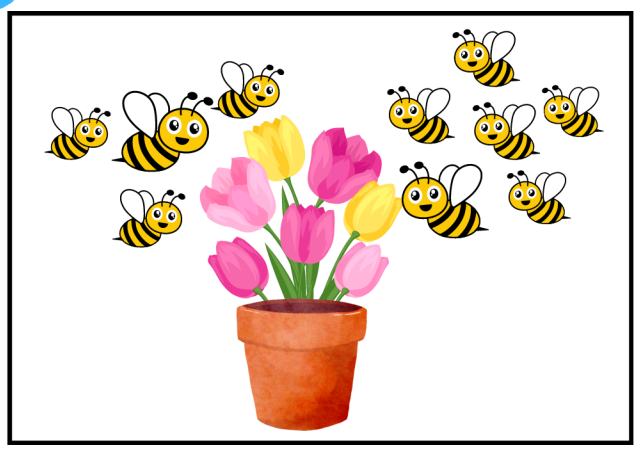
10 – 8 ☐ 6 – 3

3 + 5 ☐ 9

5 + 5 ☐ 6

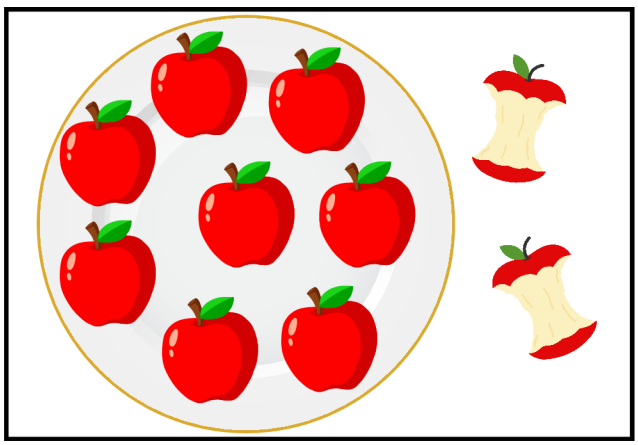
1 + 7 ☐ 10 – 3

4 Viết phép tính thích hợp.



Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....



Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....

TUẦN 34

ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100.

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Các số 29, 55, 48, 92, số lớn nhất là:

A. 48 B. 92 C. 29

Câu 2: Các số 19, 75, 22 viết theo thứ tự giảm dần là:

A. 19, 22, 75 B. 75, 22, 19 C. 22, 75, 19

Câu 3: Bể cá có 18 con cá vàng. Cô chủ bắt đem cho 5 con, hỏi trong bể còn lại bao nhiêu con cá vàng?

A. 12 con B. 13 con C. 14 con

Câu 4: Số 45 đọc là:

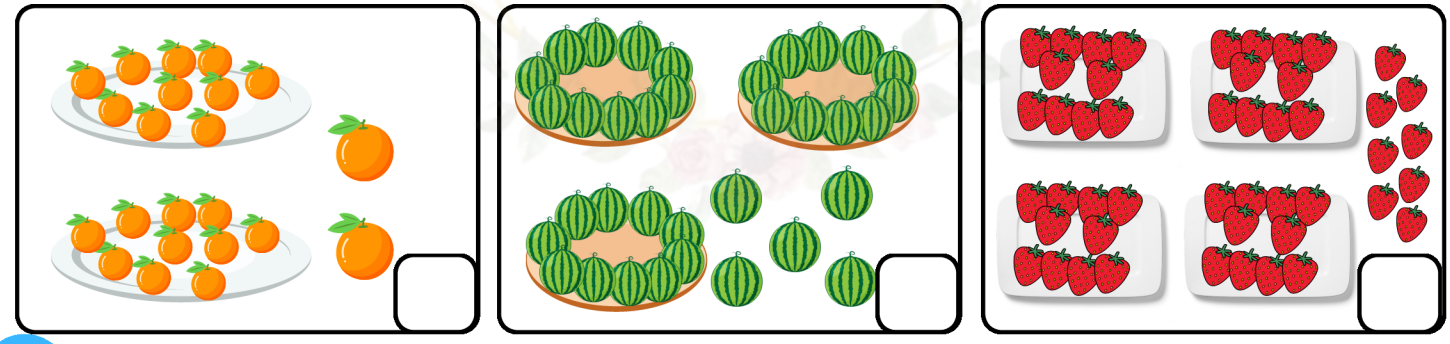
A. Bốn năm B. Bốn mươi lăm C. Bốn mươi năm

Câu 5: ..... + 50 = 65, số cần điền là:

A. 10 B. 12 C. 15

02 BÀI TẬP

1 Số?



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm theo mẫu.

Mẫu: 34 gồm 3 chục 4 đơn vị, viết là: 34 = 30 + 4

a) 70 gồm.....chục.....đơn vị, viết là: 70 = ...

b) 82 gồm.....chục.....đơn vị, viết là: 82 = ...

c) 49 gồm.....chục.....đơn vị, viết là: 49 = ...

d) 77 gồm.....chục.....đơn vị, viết là: 77 = ...

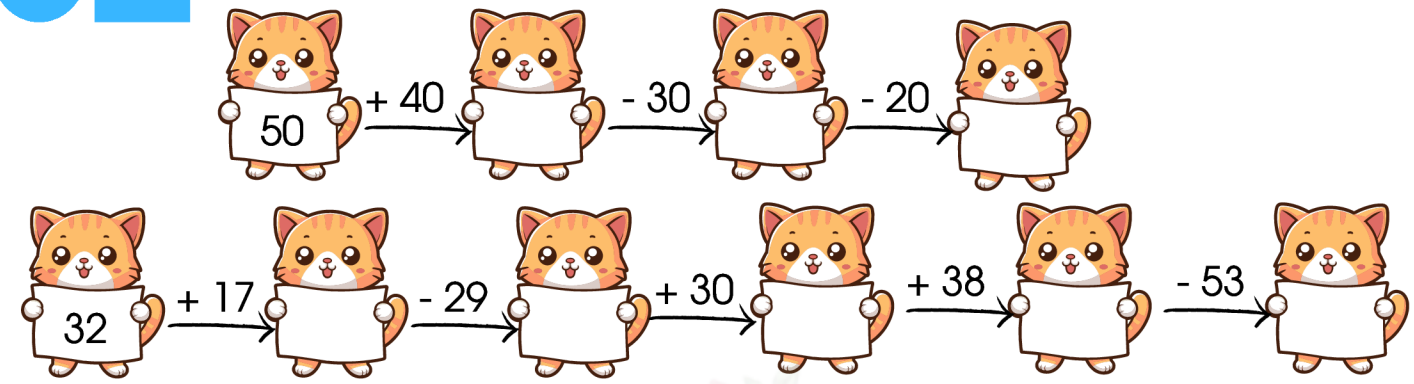
3 Đặt tính rồi tính.

45 + 12 63 + 3 87 - 43 39 - 6 27 - 5

ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100.

Tiền tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

4 **Số?**



5 **Tính.**

a) 32 + 5 + 10 =..... 76 - 34 - 22 =.....

b) 40 + 37 - 25 =..... 98 - 26 + 16 =.....

6 **Số?**

10 + ☐ = 50 ☐ - 30 = 30 40 + ☐ = 70

45 - ☐ = 21 34 + ☐ = 67 ☐ - 13 = 34

7 **Sắp xếp số 45, 79, 21, 56 theo thứ tự từ bé đến lớn:**



8 **Viết chữ số thích hợp vào ô trống.**

4 ☐	8 ☐	☐ 5	☐ 7
+ ☐ 5	− ☐ 2	− 3 4	− 5 ☐
7 9	6 3	4 1	2 6

9 **Anh Đức hái được 32 quả bưởi, chị Huệ hái được 23 quả. Hỏi cả hai anh chị hái được bao nhiêu quả bưởi?**



Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....

TUẦN 35

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG. LUYỆN TẬP CHUNG

01 TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong một tuần lễ, nếu ngày 10 là thứ Hai thì ngày 14 là:

A. Thứ Tư B. Thứ Năm C. Thứ Sáu

Câu 2: Hộp bút của em dài khoảng:

A. 3 cm B. 2 gang tay C. 8 cm

Câu 3: Bút máy của em dài khoảng:

A. 5 cm B. 15 cm C. 2 gang tay

Câu 4: Chiếc ti vi có hình dạng gì?

A. Hình vuông

B. Hình chữ nhật

C. Hình tam giác

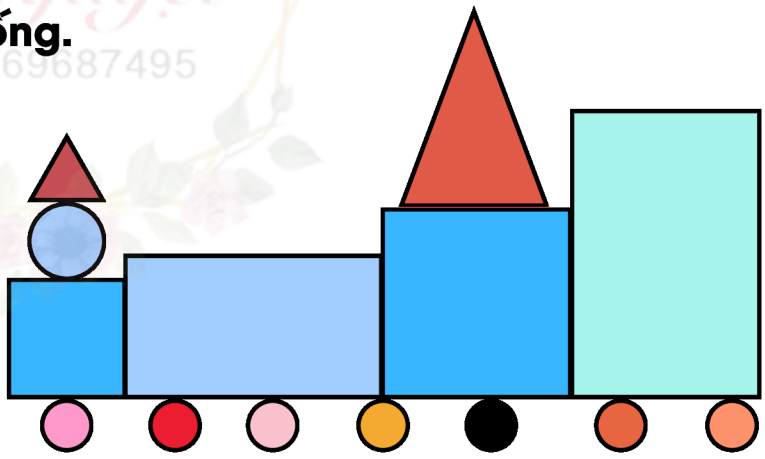


02 BÀI TẬP

1 Viết số thích hợp vào chỗ trống.

Trong hình bên:

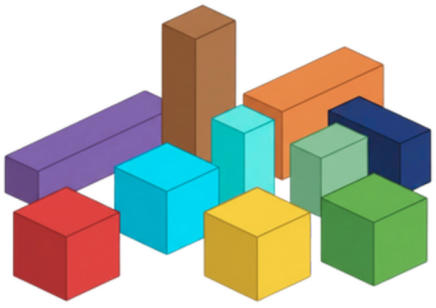
- Có .....hình tam giác.
- Có .....hình chữ nhật.
- Có .....hình tròn.
- Có .....hình vuông.



2 Viết số thích hợp vào chỗ trống.

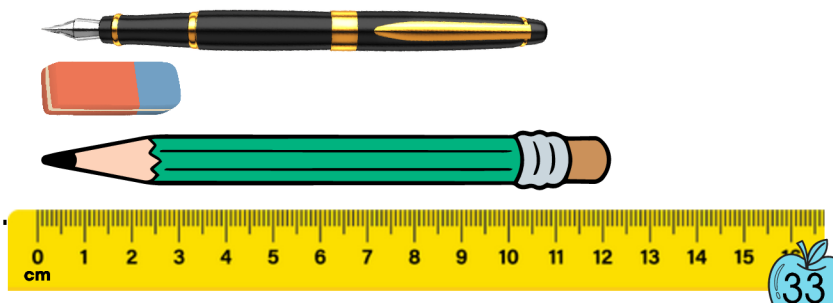
Trong hình bên:

- Có ..... khối lập phương.
- Có ..... khối hộp chữ nhật.



3 Đo độ dài mỗi vật rồi viết số thích hợp vào ô trống.

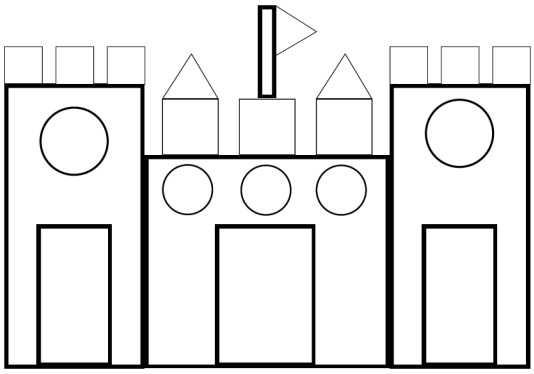
- Chiếc bút chì dài ..... cm.
- Viên tẩy dài ..... cm.
- Chiếc bút mực dài ..... cm.



ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG. LUYỆN TẬP CHUNG

Tiểu học Cô Nguyệt 0969687495

4 **Quan sát hình bên và trả lời câu hỏi:**



- Có ..... hình tròn.
- Có ..... hình vuông.
- Có ..... hình tam giác.
- Có ..... hình chữ nhật.

5 **Nối.**



Bạn Lan đến trường lúc 7 giờ







Bạn Lan bơi lúc 5 giờ chiều



Bạn Lan chơi đàn lúc 8 giờ tối







Bạn Lan đi ngủ lúc 9 giờ

6 **Viết phép tính thích hợp rồi hoàn thiện câu trả lời.**

a) Hương trồng được 13 cây hoa, Linh trồng được 21 cây hoa. Hỏi cả hai bạn trồng được bao nhiêu cây hoa?

Phép tính: ☐☐☐☐☐

Trả lời: .....

a) Khải có 18 cái kẹo. Khải cho Tuệ Anh 7 cái kẹo. Hỏi Khải còn lại bao nhiêu cái kẹo?

Phép tính: ☐☐☐☐☐

Trả lời: .....

ĐỀ ÔN - 01

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Số 65 đọc là:

A. Sáu mươi năm B. Sáu mươi lăm C. Sáu năm

Câu 2: Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

10	20	30	40	.....	60	70

A. 100 B. 90 C. 50

Câu 3: Trong các số: 43, 72, 61, 38 số lớn nhất là:

A. 72 B. 61 C. 43

Câu 4: Mẹ đi công tác 1 tuần lễ, ngày mẹ đi là ngày 10. Vậy mẹ về sẽ là ngày mấy?

A. Ngày 11 B. Ngày 12 C. Ngày 17

Câu 5: Đồng hồ bên cạnh chỉ mấy giờ?

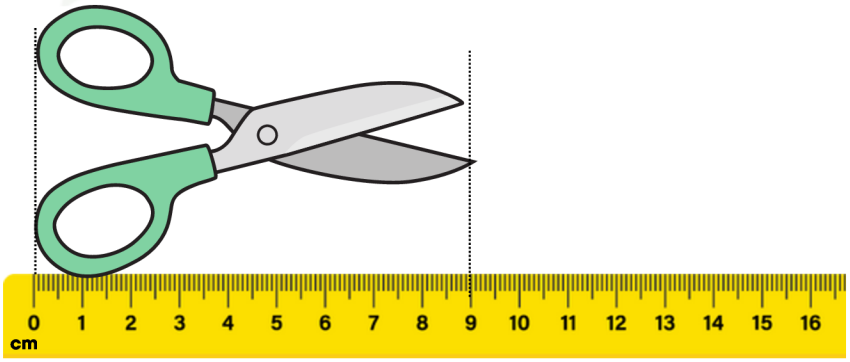


A. 12 giờ

B. 9 giờ

C. 3 giờ

Câu 6: Độ dài của cái kéo là?



A. 9 cm

B. 10 cm

C. 15 cm

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: Đặt tính và tính:

34 + 54 = ... 12 + 14 = ... 45 - 12 = ... 30 - 20 = ...

Bài 2: Viết các số 18; 11; 33; 54 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn: ☐ ☐ ☐ ☐

b) Từ lớn đến bé: ☐ ☐ ☐ ☐

Bài 3: Đồng hồ chỉ mấy giờ?



..... giờ



..... giờ



..... giờ

Bài 4: Viết số thích hợp vào ô trống.

a) 30 + ☐ = 33

b) 36 - ☐ = 23

c) 35 - ☐ = 35

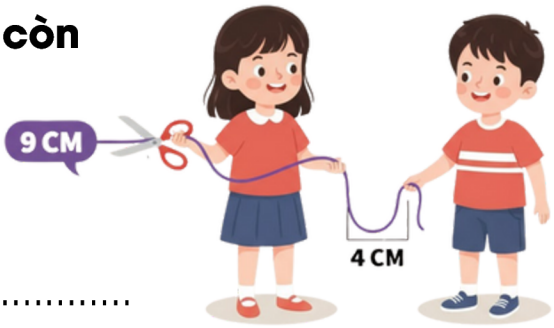
d) 40 + ☐ = 50

Bài 5: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bố bảo với Mai rằng ngày này tuần sau cả nhà sẽ về quê thăm ông bà. Mai nhìn tờ lịch của ngày hôm nay (như hình bên) và biết ngày mình sẽ được về quê là ..... ngày ..... tháng 5



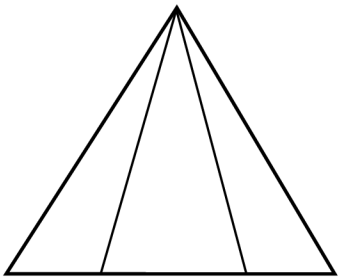
Bài 6: Bạn Hà có sợi dây dài 9 cm, bạn Hà cắt cho bạn Huy 4 cm. Hỏi sợi dây của bạn Hà còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....

Bài 7: Quan sát hình bên:



Có ..... hình tam giác.

ĐỀ ÔN - 02

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Số lớn nhất có hai chữ số là:

A. 99 B. 98 C. 88

Câu 2: Hôm nay là thứ Ba, ngày mai là:

A. thứ Năm B. thứ Sáu C. thứ Tư

Câu 3: Phép tính 79 - 47 có kết quả là:

A. 32 B. 22 C. 23

Câu 4: Mẹ phải đi công tác 8 ngày, tức là mẹ đi công tác:

..... tuần..... ngày

A. 2 tuần 1 ngày B. 1 tuần 1 ngày C. 1 tuần 2 ngày

Câu 5: Đồng hồ bên cạnh chỉ mấy giờ?

A. 12 giờ

B. 9 giờ

C. 6 giờ

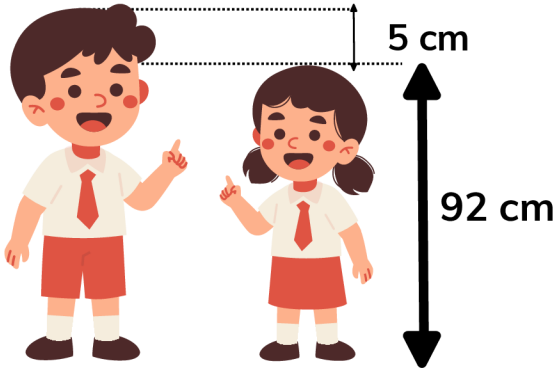


Câu 6: Chiều cao của bạn nam sẽ là:

A. 95 cm

B. 92 cm

C. 97 cm



II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: Đặt tính và tính:

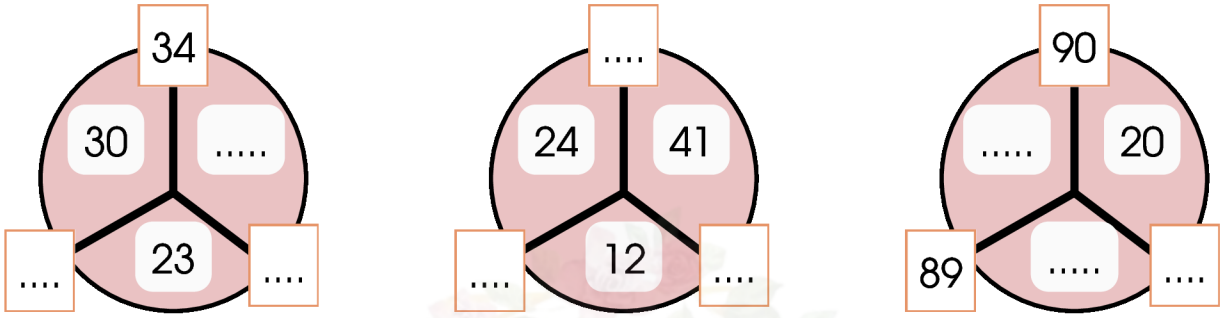
24 + 5 = ...	87 - 5 = ...	45 + 12 = ...	67 - 25 = ...

Bài 2: Viết các số 98, 56, 42, 17 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn: ☐ ☐ ☐ ☐

b) Từ lớn đến bé: ☐ ☐ ☐ ☐

Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống.



Bài 4: Dấu <,>,=:

45 - 24 ☐ 23 + 6 99 ☐ 99 - 9 34 + 4 ☐ 40

Bài 5: Số?



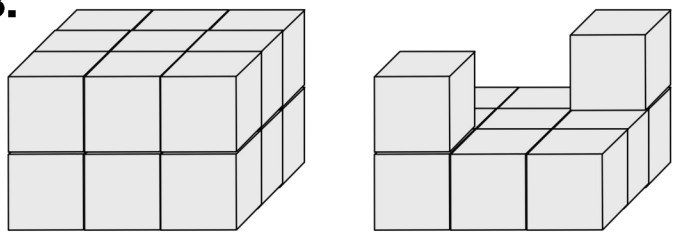
Bài 6: Lớp 1A1 trồng được 25 cây, lớp 1A2 trồng được 30 cây. Hỏi cả hai lớp trồng được tất cả bao nhiêu cây?



Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Trả lời: .....

Bài 7: Cần bỏ đi bao nhiêu khối lập phương nhỏ ở hình A để được hình giống hình B.



Cần bỏ đi ..... khối lập phương.

A B

ĐỀ ÔN - 03

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Phép tính: 36 + 42 = 16 + 12 + ..., số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 51 B. 52 C. 50

Câu 2: Có bao nhiêu số tròn chục lớn hơn 25 và bé hơn 55?

A. 3 số B. 4 số C. 5 số

Câu 3: Phép tính 79 - 47 có kết quả là:

A. 32 B. 22 C. 23

Câu 4: Hôm nay là ngày 10, mẹ nói một tuần nữa em được đi Nha Trang. Vậy em được đi Nha Trang vào ngày nào?

A. Ngày 3 B. Ngày 17 C. Ngày 15

Câu 5: Kim ngắn chỉ số 5, kim dài chỉ số 12, lúc đó đồng hồ chỉ mấy giờ?

A. 12 giờ B. 3 giờ C. 5 giờ

Câu 6: Nam có 30 viên bi xanh và 2 chục viên bi đỏ. Hỏi Nam có tất cả bao nhiêu viên bi?

A. 50 viên bi B. 40 viên bi C. 32 viên bi

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: Đặt tính và tính:

84 - 41= ..... 6 + 52 = ... 45 -3 = ... 67 + 22 = ...

Bài 2: Dấu <,>,=:

75 - 22 ☐ 11 + 41 61 + 22 ☐ 65 - 15

36 + 41 - 25 ☐ 57 - 21 + 42 90 - 40 + 30 ☐ 20 + 30 + 50

Bài 3: Cho ba số 1, 5, 3 em hãy viết tất cả các số có hai chữ số khác nhau từ các số trên.

Viết các số trên theo thứ tự:

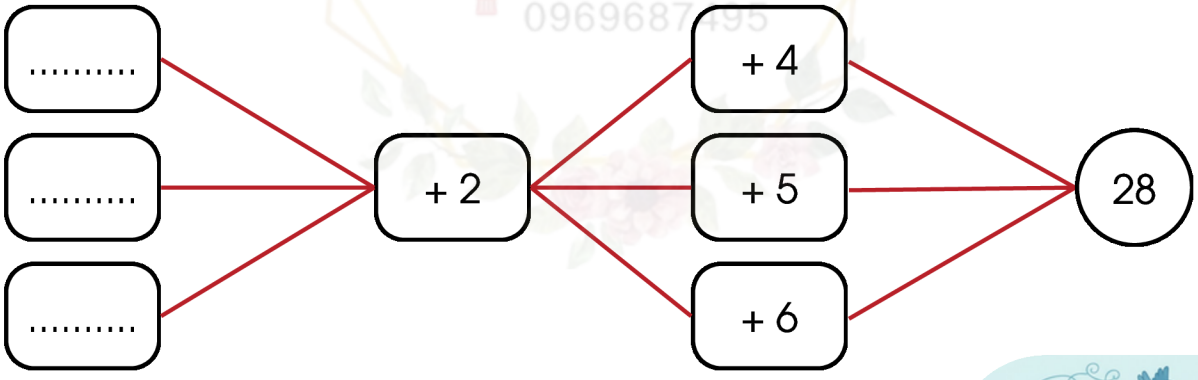
- Từ bé đến lớn:
- Từ lớn đến bé:

Bài 4: Vẽ kim chỉ giờ cho các đồng hồ sau:



3 giờ | 6 giờ | 9 giờ | 2 giờ

Bài 5: Số?



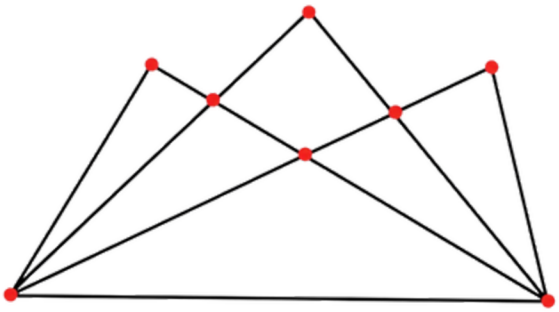
Bài 6: Trên cành có 20 con chim đậu, sau đó có 1 chục con bay đi. Hỏi trên cành còn lại bao nhiêu con chim?



Phép tính:

Trả lời: .....

Bài 7: Quan sát hình bên:



Có ..... hình tam giác.

ĐỀ ÔN - 04

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Số 15 đọc là

A. Mười lăm　　B. Mười năm　　C. Năm mốt

Câu 2: Số gồm 4 đơn vị và 6 chục là:

A. 46　　B. 64　　C. 65

Câu 3: Viết các số 23, 56, 65, 32 theo thứ tự tăng dần là:

A. 23, 56, 65, 32　　B. 65, 56, 32, 23　　C. 23, 32, 56, 65

Câu 4: Hai sợi dây dài tất cả 16 xăng-ti-mét. Sợi dây thứ nhất dài 5 xăng ti mét. Hỏi sợi dây thứ hai dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 10 cm　　B. 11 cm　　C. 19 cm

Câu 5: 45 - 23 ..... 10 + 15, dấu cần điền vào chỗ chấm là:

A. <　　B. >　　C. =

Câu 6: Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

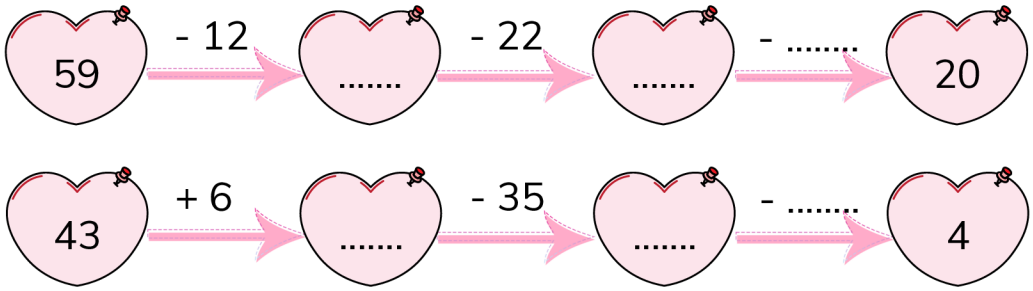
A. 10　　B. 11　　C. 90

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: Đặt tính và tính:

14 + 4 = ...　　28 - 12 = ...　　98 - 7 = ...　　23 + 45 = ...

Bài 2: Tính.



Bài 3: Cho ba số 6, 8, 2 em hãy viết tất cả các số có hai chữ số khác nhau từ các số trên.

Viết các số trên theo thứ tự:

- Từ bé đến lớn:
- Từ lớn đến bé:

Bài 4: Tìm gốc cây thích hợp cho mỗi chú Sóc, biết thứ Tư là ngày 22.

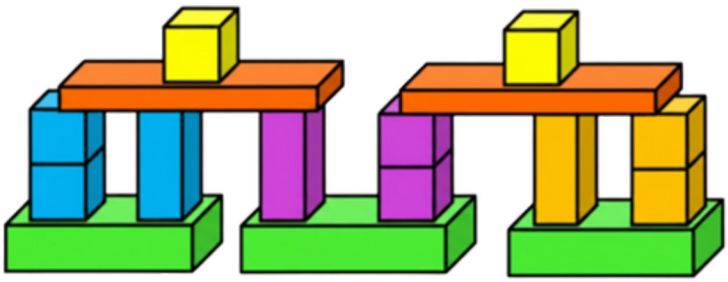


Bài 5: Đàn gà có 86 con, trong đó có 5 chục con đã vào chuồng. Hỏi còn lại bao nhiêu con gà chưa vào chuồng?

Phép tính:

Trả lời: .....

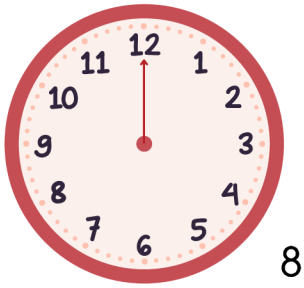
Bài 6: Quan sát hình bên:



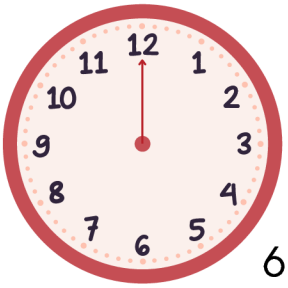
Có ..... khối lập phương.

Có ..... khối hộp chữ nhật.

Bài 7: Vẽ kim chỉ giờ cho các đồng hồ sau:



8 giờ



6 giờ

Ngọc Bích
Danh thiếp Zalo

CÔ BÍCH
0932 . 644 . 643

Tài liệu này do cô Ngọc Bích soạn thảo

XIN LIÊN HỆ TRỰC TIẾP QUA

ZALO: 0932 644 643 – Ngọc Bích để mua file từ chính chủ

